

CÔNG TY
CỔ PHẦN 28.1



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2020



Trụ sở chính: Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP.HCM



Điện thoại: (84-8) 37 17 3201 37



Website: <http://www.imecovn.com.vn>

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

XN : Xí nghiệp
TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
MTV: Một thành viên
CTCP: Công ty cổ phần
ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
NHNN: Ngân hàng nhà nước
FED: Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ
DMVN: Dệt may Việt Nam
NPL: Nguyên phụ liệu
IMF: Quỹ tiền tệ quốc tế
VITAS: Hiệp hội Dệt may Việt Nam
CBCNV: Cán bộ công nhân viên
TCKT: Tài chính kế toán
TMDV: Thương mại dịch vụ
XNK: Xuất nhập khẩu
TCHC: Tổ chức hành chính
KHTH: Kế hoạch tổng hợp
HĐQT: Hội đồng quản trị

MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG	7
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	23
PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	45
PHẦN IV: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT	51
PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY	55
PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	59



PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị và
sơ đồ tổ chức

Tầm nhìn - sứ mệnh - giá trị

Văn hóa doanh nghiệp

Các rủi ro trong kinh doanh





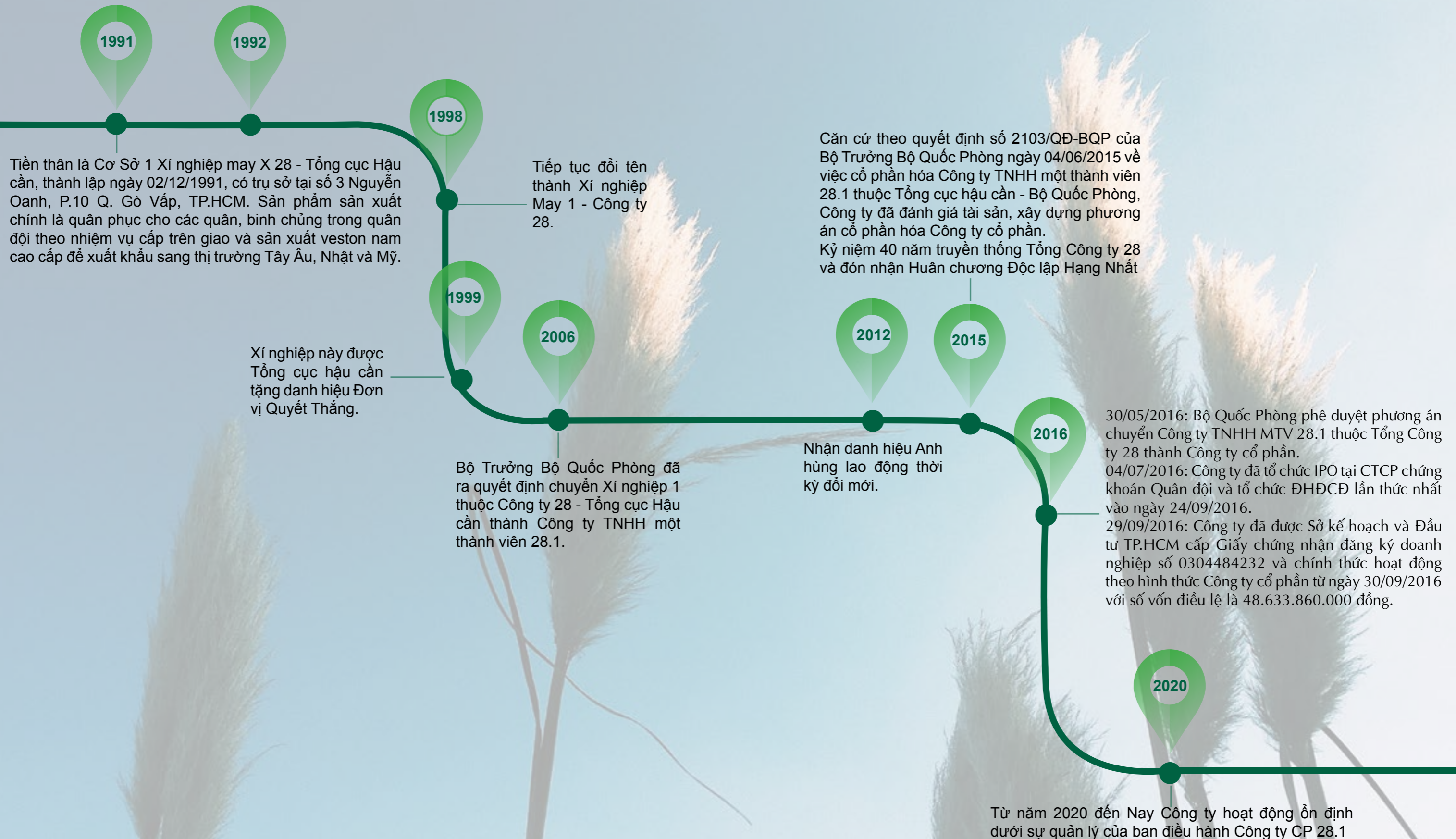
THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty	Công ty CỔ PHẦN 28.1
Tên viết tắt	28.1 JSC
Mã cổ phiếu	AG1
Vốn điều lệ	48.633.860.000
Trụ sở chính	Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TPHCM
Điện thoại	(028) 38 940 914
Fax	(028) 38 941 668
Email	info@agtex28-1.com
Website	http://www.agtex28-1.com
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Công ty cổ phần mã số thuế 0304484232 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tphcm cấp phép hoạt động lần đầu tiên vào ngày 01/08/2016, đăng ký thay đổi lần lần thứ 5 vào ngày 26/8/2020.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

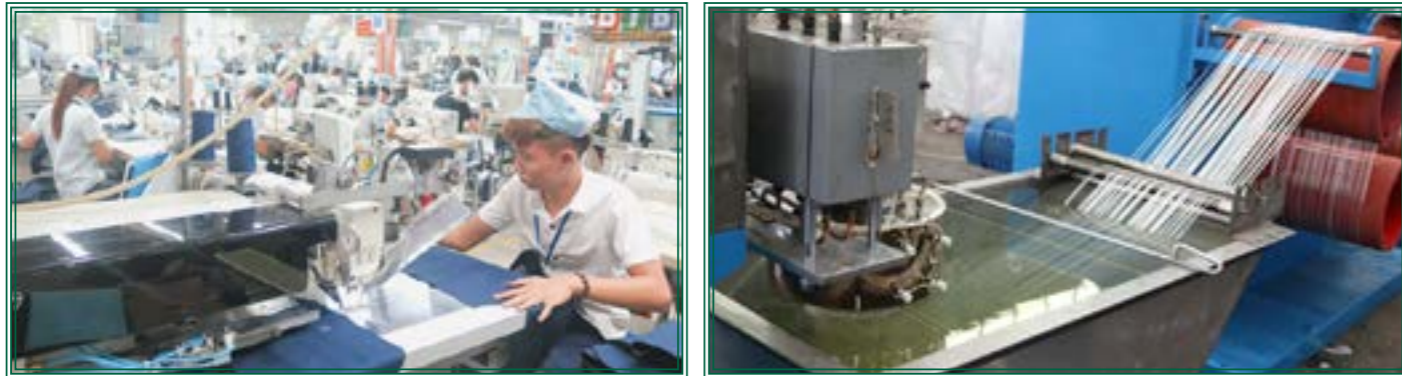
Xí nghiệp may X 28
đổi tên thành Xí nghiệp
may 28.1.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ

Tiền thân là Cơ sở 1 Xí nghiệp may X 28 - Tổng cục Hậu cần, chuyên sản xuất quân phục cho các quân binh và quân chủng trong thời chiến. Bây giờ hoạt động sản xuất kinh doanh chính đã chuyển sang may trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) và bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép.



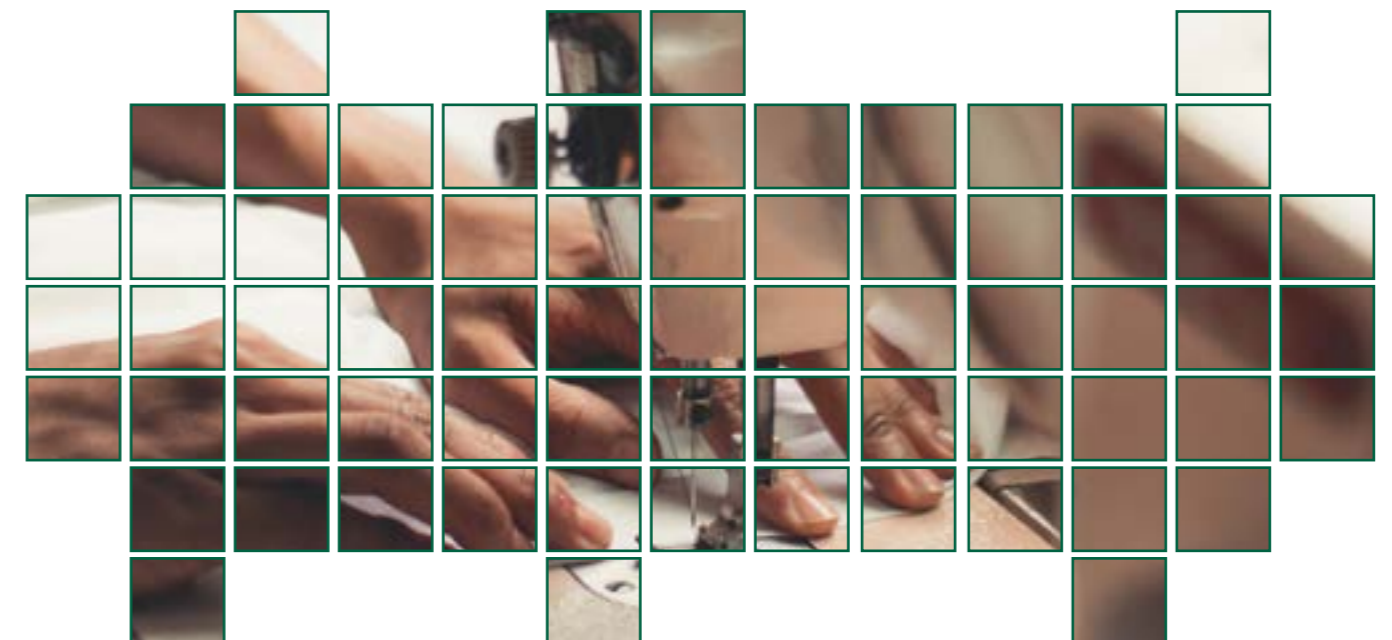
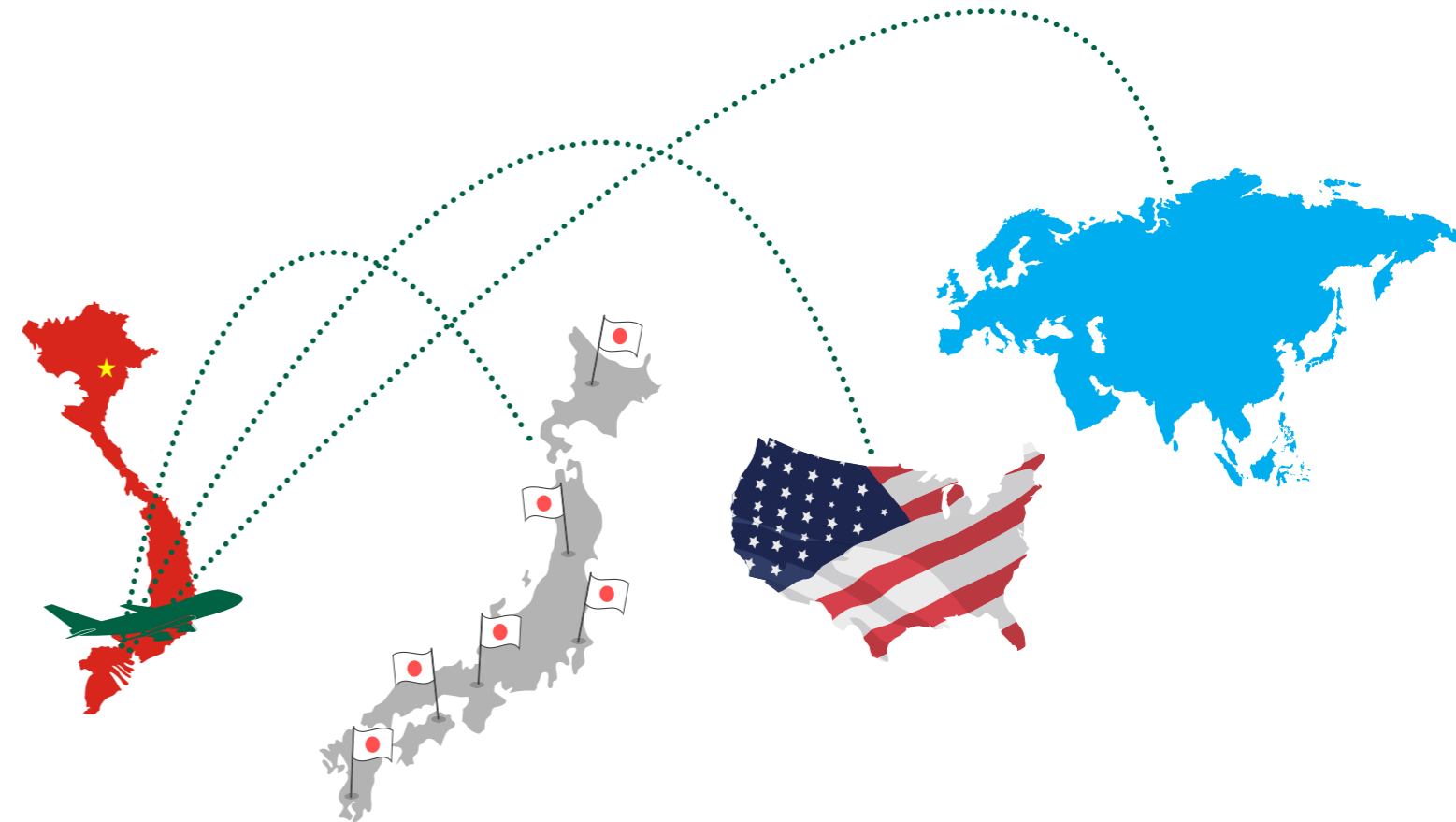
SẢN PHẨM CHÍNH

- Bộ vest nam
- Quần tây
- Jile (waitcoat)

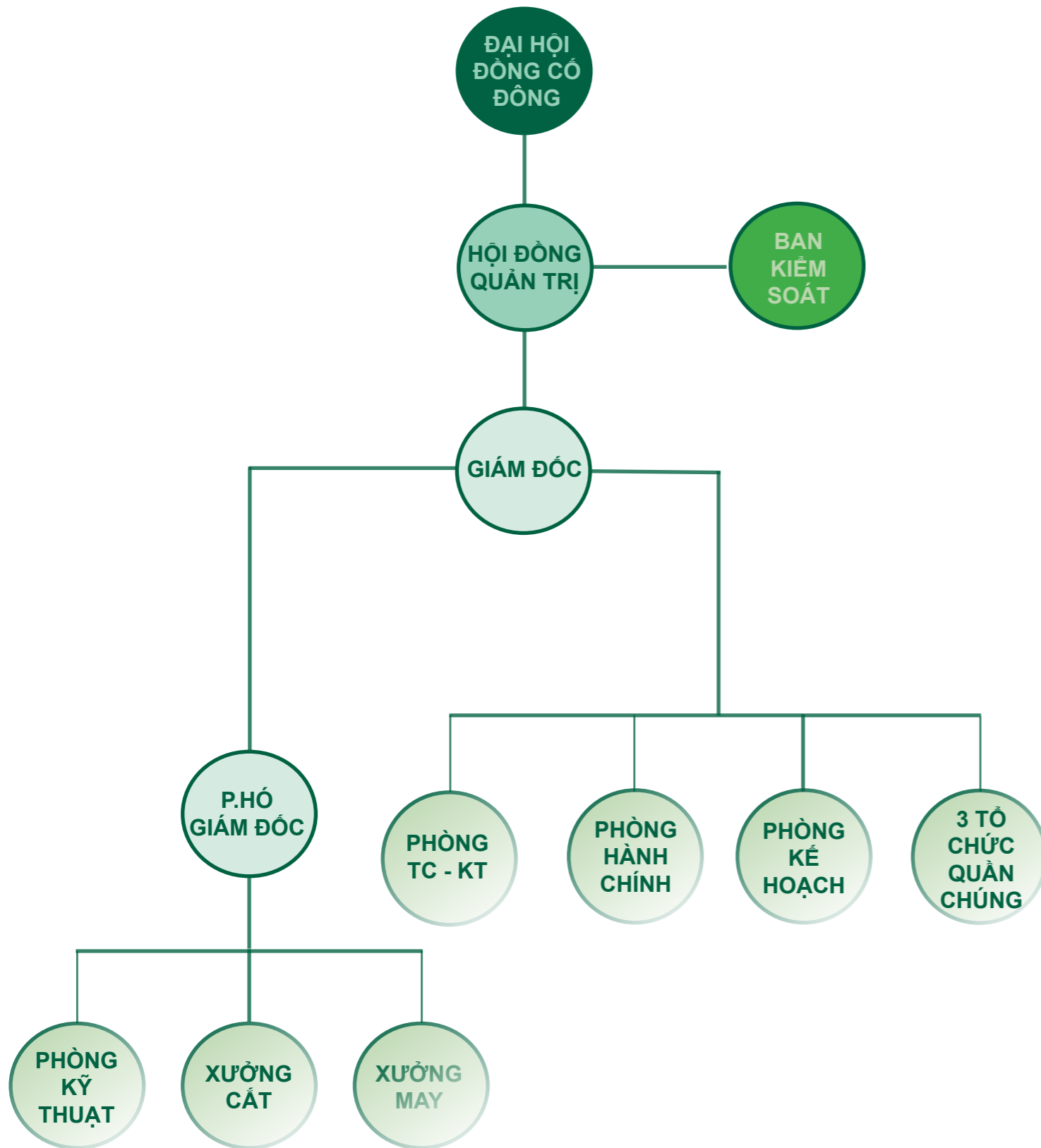


ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động trên địa bàn lãnh thổ Việt Nam và hoạt động xuất khẩu ra thị trường nước ngoài tập trung chủ yếu ở các nước Mỹ, EU, Nhật Bản,...



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần 28.1 được quản trị theo hình thức:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị (Chủ tịch và thành viên HĐQT)
- Ban kiểm soát (trưởng ban và thành viên ban kiểm soát)
- Ban điều hành



THÔNG TIN CÔNG TY MẸ

Công ty cổ phần 28.1 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước - Công ty TNHH MTV 28.1 theo quyết định số 2103/ QĐ-BQP ngày 04 tháng 06 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng, với tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu chiếm 65% trên tổng vốn chủ sở hữu.

Mã số doanh nghiệp: 0300516772
Ngày bắt đầu thành lập: 18/02/2011
Tên người đại diện pháp luật: Đỗ Tuấn Anh
Địa chỉ trụ sở chính: Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TPHCM
Số điện thoại: (028) 38942238
Fax: (028) 38943053
Email: 28@agtex.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất, mua bán may mặc, sản phẩm ngành dệt;
- Kinh doanh vật tư thiết bị, phụ tùng, nguyên liệu, hóa chất phục vụ ngành dệt, nhuộm và ngành may;
- Đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu;
- Đầu tư phát triển các công trình hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cho thuê kho, xưởng, bãi đậu xe, văn phòng.

Công ty cổ phần 28.1 không có Công ty con, Công ty liên kết

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tầm nhìn

Không ngừng cố gắng phát triển trở thành Công ty hàng đầu trong ngành Dệt May cũng như trở thành thương hiệu thời trang tốt nhất Việt Nam.

Sứ mệnh

Đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt nhất đến tay người tiêu dùng
Thỏa mãn nhu cầu thời trang phù hợp với mọi tầng lớp trong xã hội

Giá trị văn hóa cốt lõi

Giá trị văn hóa cốt lõi

Công ty đã và đang cố gắng xây dựng hệ thống giá trị hoàn chỉnh và hài hòa cho các đối tượng bao gồm Công ty, người lao động, cổ đông và khách hàng.



Đối với cổ đông: Đẩy mạnh sự phát triển của doanh nghiệp đem lại lợi nhuận cho cổ đông.



Đối với khách hàng: Luôn thấu hiểu, thực hiện tốt các yêu cầu mà khách hàng đặt ra, đem lại cho khách hàng sản phẩm chất lượng với mức giá tốt nhất.



Đối với người lao động: Tạo môi trường làm việc thân thiện, năng động, khuyến khích nhân viên không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao chuyên môn và khả năng làm chủ công nghệ từ đó tạo ra hiệu quả làm việc cũng như tạo cơ hội phát triển cho người lao động.



Đối với Công ty: Hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh để đảm bảo sự tăng trưởng ổn định cho tổ chức, tạo uy tín cho thương hiệu 28.1 bền vững trên thị trường Việt Nam cũng như trên thị trường quốc tế.



PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG:
“Chất lượng tốt nhất, giá cả cạnh tranh,
giao hàng đúng hẹn”

Văn hóa Công ty

Học tập

- Luôn tạo điều kiện và cơ hội để nhân viên được học tập rèn luyện và nâng cao khả năng của bản thân;
- Luôn học hỏi áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến nâng cao năng suất cũng như chất lượng sản phẩm đầu ra;
- Giúp nhân viên thích ứng nhanh với sự thay đổi thị hiếu của thị trường để có thể ứng phó kịp thời trong khâu chuẩn bị thời trang ra mắt thị trường.

Đồng đội

- Tạo mối quan hệ đoàn kết trong nội bộ doanh nghiệp, gắn bó qua việc tổ chức các cuộc họp mở, để mọi người có thể nêu lên khó khăn mà bản thân đang gặp phải để mọi người cùng nhau đưa ra giải pháp tốt nhất đồng thời cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- Đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho người lao động trong Công ty.

Chất lượng

- Không ngừng tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu chất lượng, giá thành hợp lý;
- Công ty có đội ngũ kỹ thuật viên tay nghề cao trong hoạt động may mặc cũng như vận hành máy móc để sản xuất thành phẩm tối ưu nhất;
- Gắn bó với khách hàng và nhà cung cấp tạo sự hợp tác ổn định và chặt chẽ bên trong nội bộ cũng như các đối tác bên ngoài để đảm bảo cung ứng đủ và đúng nhu cầu thị trường;
- Nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác dịch vụ khách hàng, từ đó tạo hình ảnh đẹp của Công ty trong lòng người tiêu dùng cũng như trên thị trường.

Tinh thần kinh doanh

- Tất cả các thành viên luôn tích cực, chủ động lao động sáng tạo hiệu quả không ỷ lại vào cấp trên;
- Phát huy tối đa quyền tự chủ của mọi thành viên, tạo điều kiện cho các thành viên thể hiện khả năng của mình. Kết quả là tiêu chuẩn tốt nhất để đánh giá năng lực của mỗi thành viên;
- Sáng kiến, sáng tạo, đổi mới phải trở thành phong cách sống của mỗi cán bộ công nhân viên trong Công ty. Công ty luôn khuyến khích sáng tạo và đổi mới phương thức hoạt động để đạt hiệu quả kinh doanh tốt nhất, mọi sự đóng góp của các thành viên trong quá trình đổi mới phương thức hoạt động hiệu quả đều được trân trọng và trả công xứng đáng.

Thành công

- Phần đầu đạt được mục tiêu đề ra;
- Đảm bảo được lợi ích của nhà cung cấp, Công ty, người lao động và người tiêu dùng, từ đó củng cố được sự phát triển ổn định và vững mạnh đem lại sự thành công cho Công ty;
- Cố gắng đưa sản phẩm chủ lực của Công ty dẫn đầu thị trường Việt Nam cũng như quảng bá rộng rãi trên thị trường quốc tế tạo chỗ đứng bền vững cho Công ty trên mọi mặt trận. Đặc biệt là tăng khả năng cạnh tranh cho sản phẩm khi bối cảnh thị trường cạnh tranh ngày một gay gắt.

CÁC RỦI RO TRONG KINH DOANH

Rủi ro kinh tế

Trong năm vừa qua, đại dịch Covid 19 đã khiến cho nền kinh tế các nước trên thế giới rơi vào bế tắc trầm trọng. Theo thông tin Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) GDP toàn cầu năm 2020 giảm 4,4% và dự báo sẽ tăng trưởng 5,4% trong năm tới. Diễn hình như sự khủng hoảng kinh tế trầm trọng của các “ông lớn” như GDP Mỹ giảm 8%, Pháp giảm 12.5%, Italy giảm 12.8%... gây hiệu ứng kép cho toàn bộ nền kinh tế nói chung và ngành dệt may trên toàn thế giới nói riêng.

Với sự giảm mạnh GDP toàn ngành cùng với sự trì hoãn không thời hạn của hoạt động giao thương, hàng hóa may mặc của con người không phải là nhu cầu thiết yếu được chú trọng trong hoàn cảnh kinh tế hiện nay. Vì vậy kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may trong nước cũng không mấy khả quan, chia sẻ ở buổi họp báo tổng kết của VITAS, năm 2020 do tác động tiêu cực của dịch Covid-19 kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may chỉ đạt 29,81 tỷ, giảm 9,29% so với năm trước và thấp hơn nhiều các quốc gia khác đặc biệt trong bối cảnh tổng cầu dệt may

thế giới giảm 25%. Đối mặt với tình hình trên, các DN dệt may vẫn đang gặp khó khăn. Cụ thể 51% DN cho biết nhãn hàng chậm thanh toán và 16,6% nhà máy không được thanh toán đầy đủ cho các đơn hàng bị hủy. Đặc biệt 32,4% DN cho biết họ không được nhãn hàng hỗ trợ hoặc chia sẻ thiệt hại khi trì hoãn, hủy đơn hoặc chậm chuyển nhưng các DN không có cơ sở để yêu cầu.

Hòa theo diễn biến chung của ngành dệt may với nhu cầu may mặc giảm mạnh, Công ty CP 28.1 cũng không thể tránh khỏi những rủi ro này. Vì đây là rủi ro mang tính hệ thống nên nó ảnh hưởng đến hầu hết tất cả các doanh nghiệp trong toàn ngành. Tuy nhiên doanh nghiệp đã hạn chế bằng cách thường xuyên nắm bắt tình hình dự báo biến động nền kinh tế thế giới cũng như tác động của nền kinh tế lên thị trường Việt Nam nói chung và ngành Dệt may Việt Nam nói riêng để có kế hoạch ứng phó khó khăn kịp thời và tối thiểu hóa tổn thất cho doanh nghiệp.

Rủi ro lãi suất

Trước những diễn biến kém thuận lợi trên thế giới, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) và Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) tiếp tục giữ lãi suất điều hành ở mức thấp, thanh khoản hệ thống ngân hàng dồi dào, tỷ lệ lạm phát ở mức thấp, vào ngày 30/09/2020 NHNN tiếp tục hạ lãi suất điều hành giảm 0,5%/năm, cụ thể lãi suất tái cấp vốn giảm từ 4,5% xuống còn 4%, lãi suất

tái chiết khấu giảm từ 3% còn 2,5%. Động thái này của NHNN hoàn toàn phù hợp với bối cảnh kinh tế hiện đại, giúp thúc đẩy khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp trong ngắn hạn. Nhằm tận dụng được tối đa hỗ trợ của Nhà nước thông qua việc hạ lãi suất, Công ty đã đề ra chính sách vay vốn để duy trì hoạt động của doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn này.



Rủi ro pháp luật

Đối với quy định trong nước

Hoạt động dưới dạng Công ty cổ phần và được đăng ký trên sàn UPCOM vào ngày 10/01/2018, CTCP 28.1 chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán và các Quy định liên quan khác. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào trong luật đều có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty cổ phần 28.1.

Đối với luật quốc tế

Việt nam gia nhập WTO năm 2007, vì vậy mọi hoạt động giao thương quốc tế đều phải tuân thủ Hiệp định Thương mại tự do. Theo đó doanh nghiệp cần đặc biệt quan tâm đối với hiệp định FTA, Nhật, EU là hai trong ba thị trường chính xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam – đều yêu cầu rất khắt khe về nguyên liệu đầu vào với quy tắc xuất xứ “từ vải trở đi” nghĩa là vải sử dụng trong sản phẩm may mặc phải được sản xuất tại Việt Nam tại các nước Việt Nam đang có FTA mới được hưởng chế độ lãi suất ưu đãi. Tuy nhiên với khoa học kỹ thuật dệt sợi, sản xuất vải ở Việt Nam vẫn còn

thô sơ, hạn chế nên chưa có thể đáp ứng đủ nguyên liệu cho sản xuất mà phải nhập khẩu từ các quốc gia khác khiến cho sản lượng hưởng ưu đãi thuế giảm đi.

Thống kê Cục Hải quan nhập khẩu cho thấy nhóm nguyên phụ liệu dệt may, da, giày tập trung chủ yếu ở thị trường Trung Quốc chiếm 50,6% tiếp theo là thị trường Hàn Quốc, Đài Loan, và Hoa Kỳ... Trong đó nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc và Đài Loan không thể giúp Doanh nghiệp Việt hưởng thuế suất ưu đãi từ hiệp định AJFTA (FTA với Nhật) và EVFTA (FTA với EU). Do vậy nhiều doanh nghiệp Việt không thể tận dụng hết được sự hỗ trợ từ các Hiệp định thương mại tự do bởi việc sản xuất nguyên liệu bị hạn chế.

Để ứng phó rủi ro này CTCP 28.1 luôn tích cực nghiên cứu và cập nhật thông tin Hiệp định tự do thương mại để tận dụng tối đa sự hỗ trợ cũng như chủ động xây dựng chiến lược hoạt động sản xuất phù hợp để tối thiểu hóa rủi ro này.



Rủi ro đặc thù ngành

Nguyên phụ liệu

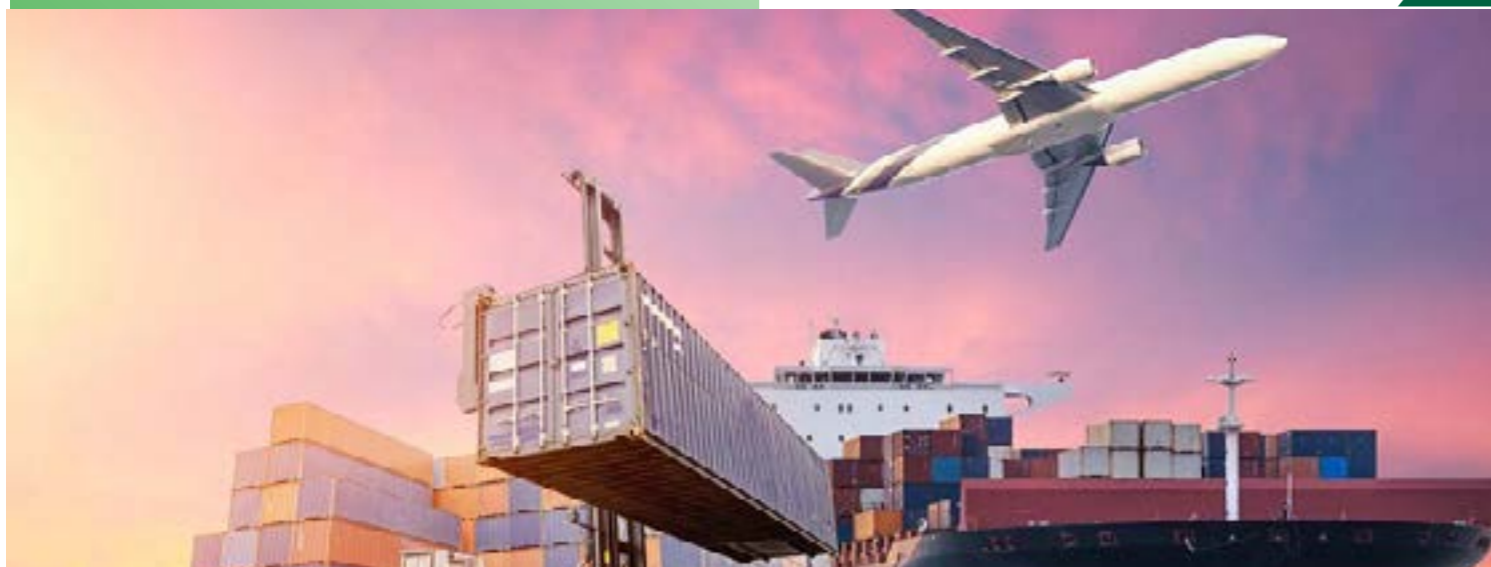
Bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, không chỉ lượng cầu hàng may mặc giảm mà hoạt động sản xuất cũng bị gián đoạn do phụ thuộc đầu vào nguyên phụ liệu nhập khẩu đồng thời gây thiếu hụt nguồn cung nguyên phụ liệu nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật...

Thời điểm hiện tại, ngành dệt may Việt Nam đang chịu ảnh hưởng kép khi nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu chưa kịp ổn định thì hàng loạt khách hàng EU và Mỹ liên tiếp hủy và hoãn đơn hàng khiến cho mỗi tháng ngành bị thiệt hại hơn 3000 tỷ đồng cùng khoảng 1 triệu công nhân thất nghiệp. Con số này dự báo sẽ tiếp tục tăng mạnh khi tình hình dịch Covid-19 vẫn chưa được khống chế triệt để.

Hiện DMVN phụ thuộc khoảng 65% đến 70% NPL nhập khẩu từ Trung Quốc, do đó nguồn

cung gặp trục trặc sẽ khiến các DN phụ thuộc bị “tê liệt” theo. Mặc dù ngoài TQ vẫn còn nhiều nguồn cung nguyên phụ liệu khác cho ngành dệt may như Ấn Độ, Hàn Quốc, Ma-lai-xi-a, Thái Lan,... nhưng thực tế mỗi nước cũng chỉ mạnh về một chủng loại chứ không tổng hợp được như thị trường TQ. Không những vậy, giá cũng là một lợi thế lớn của hàng TQ và việc nhập hàng từ TQ còn có lợi thế địa lý giúp giảm thời gian và chi phí vận chuyển.

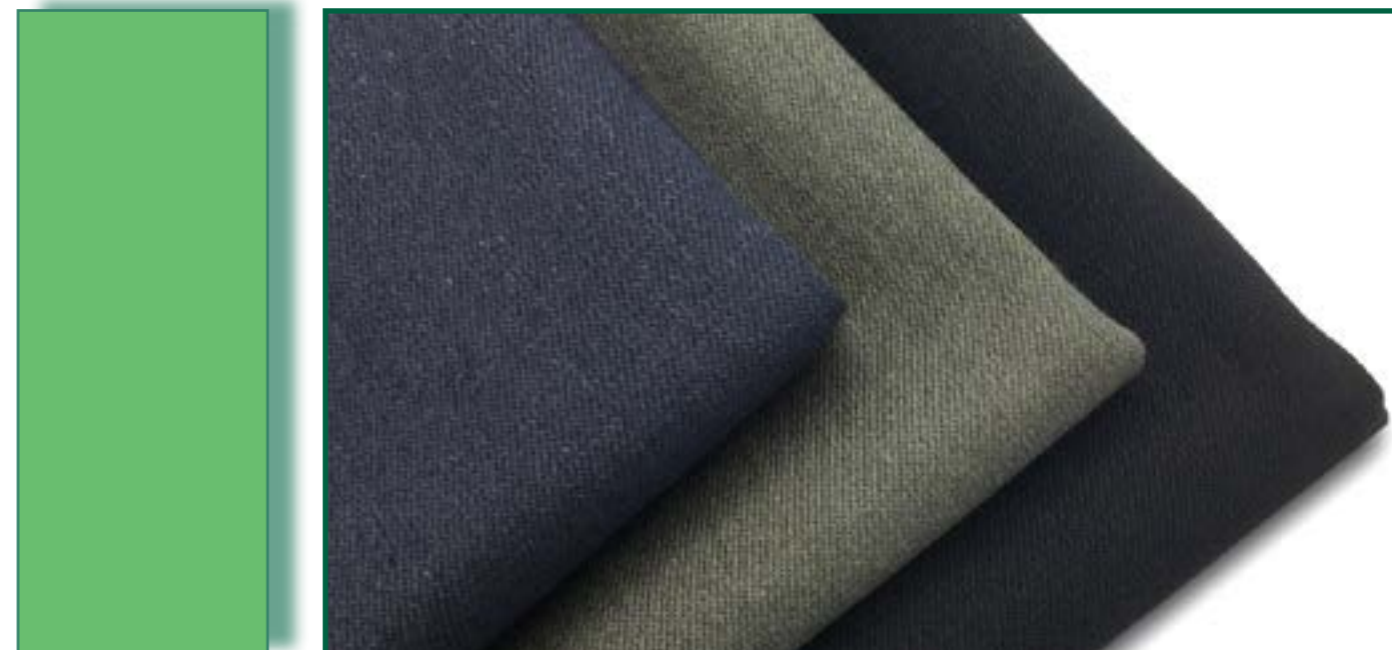
Để giảm thiểu rủi ro từ nguyên vật liệu, CTCP 28.1 luôn chủ động tìm kiếm nguồn cung nguyên phụ liệu khác nhau. Tránh tình trạng phải phụ thuộc vào nguồn cung duy nhất sẽ rất rủi ro đồng thời Công ty nên cân nhắc giữa nguồn nguyên phụ liệu giá rẻ và việc giảm thuế mà các Hiệp định thương mại tự do mang lại nhằm đa dạng hóa sự lựa chọn với chi phí tối thiểu.



Rủi ro tỷ giá

Hoạt động chủ yếu của Công ty cổ phần 28.1 là sản xuất vest xuất khẩu cho các quốc gia trên thế giới như Nhật, Mỹ và EU(28 quốc gia)... và nguồn thu chính cũng đến từ các đơn hàng xuất khẩu này. Chính vì vậy sự biến động tỷ giá giữa đồng Việt Nam với đồng ngoại tệ có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm.

Để đối phó với rủi ro này, Công ty luôn theo dõi những biến động tỷ giá trên thị trường để có những biện pháp phòng vệ tài chính và thu hồi nợ kịp thời.



PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Tổ chức và chính sách nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH Năm 2019	KH Năm 2020	TH Năm 2020	TH2020/ TH2019 (%)
Tổng doanh thu	350.980	148.668	147.333	147.333
LNTT	9.006	(9.680)	(9.278)	(9278)
LNST	7.205	(9.680)	(9.278)	(9278)
Tỷ lệ LNST/Dthu	2,57%	(6,51%)	(6,29%)	(6,29%)

Trong năm qua tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty không mấy khả quan và hầu hết các chỉ tiêu đều đạt rất thấp so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính là do sự ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 khiến hoạt động xuất khẩu gặp khó khăn đồng thời sự khan hiếm các đơn hàng đã đầy mức độ cạnh tranh ngành và quyền thương lượng của người mua lên cao, gây áp lực giảm giá bán. Các doanh nghiệp ở Việt Nam vẫn đang gặp khó khăn về quy tắc xuất xứ nên chưa thể tối đa hóa được lợi ích mà CTTTP và FTA mang lại.

Dịch Covid-19 bùng phát đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất Kinh doanh của Công ty CP 28.1 đặc biệt công tác duy trì nguồn hàng, khách hàng. Khi dịch bệnh bùng phát cao điểm vào tháng 4, tháng 5, Công ty không có việc làm, phải chuyển đổi mặt hàng sản xuất, phải nhận các đơn hàng nhỏ lẻ trái công nghệ dẫn đến năng suất rất thấp, nhận may hàng quốc phòng và tìm kiếm các đơn hàng đồng phục khác để đảm bảo đủ việc làm cho NLĐ. Đặc biệt, từ tháng 3/2020 khách hàng liên tục gửi thông báo hủy đơn hàng, thay đổi hạn giao

hàng, tạm dừng thanh toán dẫn đến bố trí sản xuất khó khăn, nhiều tháng phải sản xuất cầm chừng ảnh hưởng lớn đến tư tưởng, tâm lý người lao động và cán bộ CNV toàn Công ty.

Cơ cấu nguồn hàng thay đổi mạnh: Tỷ trọng sản xuất hàng truyền thống, tỷ trọng hàng FOB xuất khẩu giảm mạnh, bình quân chỉ đạt gần 10.000 áo và 7.000 quần/tháng, trong khi năm 2019 sản xuất được 26.000 áo/tháng (năm 2020 chỉ đạt 38% so với cùng kỳ) và 26.000 quần/tháng (năm 2020 giảm mạnh và chỉ đạt 26.9% so với cùng kỳ).

Tỷ trọng hàng gia công và hàng nội địa tăng, tuy nhiên giá trị doanh thu thấp, nhiều mặt hàng trái công nghệ phải vừa đào tạo nhân công, vừa triển khai đơn hàng trong điều kiện khó khăn, gấp gáp về tiến độ dẫn đến năng suất thấp.

Nguồn nhân lực biến động giảm về cả số lượng và chất lượng làm ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô và kết quả sản xuất.

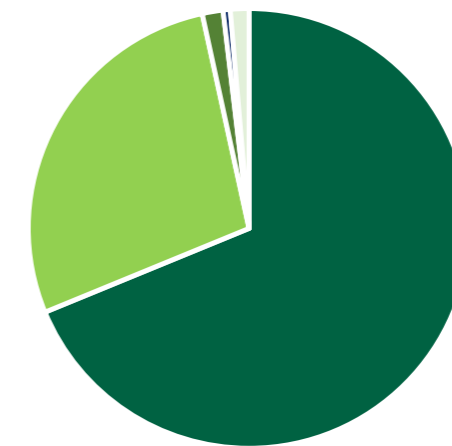
Tổng doanh thu trong năm đạt 98,93% so với kế hoạch với doanh thu là 147.333 triệu đồng và đạt 41,98% với năm 2019.

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	2020/2019 (%)
Tổng doanh thu	350.980	147.333	41,98
Doanh thu hàng xuất khẩu	320.846	101.332	31,58
Doanh thu hàng kinh tế	23.351	40.979	175,49
Doanh thu dịch vụ khác	2.305	2.247	97,48
Doanh thu hoạt động tài chính	2.205	769	34,88
Thu nhập khác	2.273	2.006	88,25

Cơ cấu doanh thu vẫn được duy trì với doanh thu hàng xuất khẩu (chủ yếu là vest, gile) đạt 101,332 chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của doanh nghiệp với tỷ lệ 68,78%, tuy vậy doanh thu xuất khẩu đã giảm mạnh so với năm 2019. Với tình hình xuất khẩu khó, doanh nghiệp đã phát triển hoạt động sản xuất trong nước mạnh mẽ bằng việc thực hiện gia công các sản phẩm may mặc giúp cho doanh thu hàng xuất khẩu tăng từ 23.351 triệu đồng lên 40.979 triệu đồng và đạt 175,49% so với năm 2019. Đây được xem là bước đi đúng đắn của doanh nghiệp nhằm cải thiện tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình trong năm.

Cơ cấu doanh thu năm 2020



- Doanh thu hàng xuất khẩu
- Doanh thu hàng kinh tế
- Doanh thu dịch vụ khác
- Doanh thu hoạt động tài chính
- Thu nhập khác

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	115.694	96.123
2	Doanh thu thuần	346.502	144.558
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.744	(9.261)
4	Lợi nhuận khác	2.262	(17)
5	Lợi nhuận trước thuế	9.006	(9.278)
6	Lợi nhuận sau thuế	7.205	(9.278)

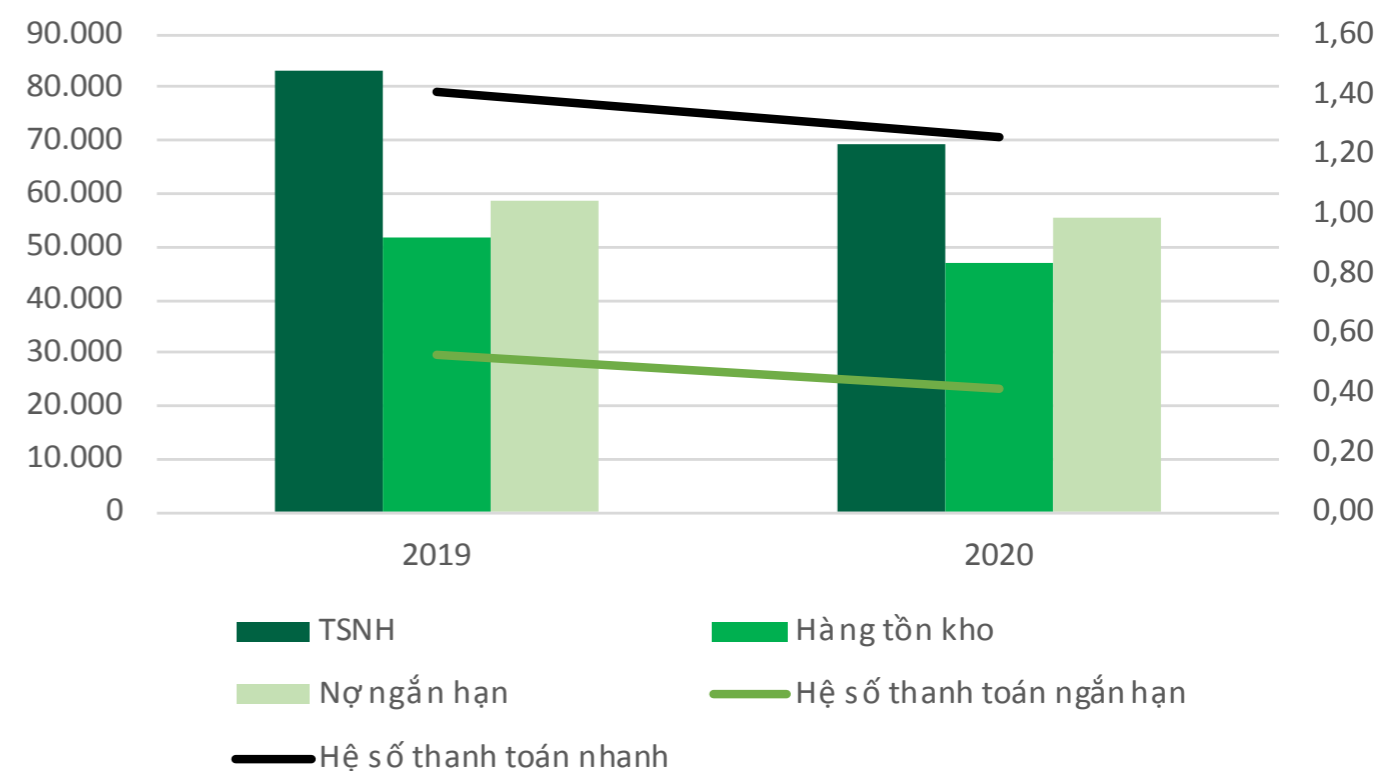
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,41	1,26
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,53	0,41
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	51,01	57,66
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	104,12	136,17
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,92	2,66
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,65	1,36
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,08	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân(ROE)	%	2,65	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân(ROA)	%	5,51	-
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	1,95	-

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty giảm từ 1,41 lần xuống 1,26 lần, tuy nhiên chỉ tiêu này có giá trị lớn hơn 1 cho thấy việc sử dụng nợ tài trợ cho tài sản ngắn hạn vẫn hiệu quả. Nhờ hạn chế được việc bị chiếm dụng vốn đối với các đơn hàng đã hoàn tất giúp cho khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm từ 25.736 triệu đồng xuống còn 14.038 triệu đồng (giảm 45,45% so với năm 2019). Thêm vào đó Công ty đã chủ động thanh toán tiền nguyên liệu nhập từ Prominent (Erope) Ltd, trả một phần nợ vay ngân hàng và thanh toán lương còn nợ cho người lao động khoảng 6.617 tỷ đồng giúp nợ phải trả trong năm giảm 6,09% so với năm 2019. Theo đó hệ số thanh toán nhanh của doanh nghiệp cũng giảm, sau khi loại trừ hàng tồn kho hệ số thanh toán nhanh của doanh nghiệp giảm từ 0,53 năm 2019 xuống còn 0,41 năm 2020 có thể thấy hàng tồn kho của doanh nghiệp tiêu khả năng thanh toán của doanh nghiệp.



Các nhân tố tạo nên sự thay đổi trong khả năng thanh toán

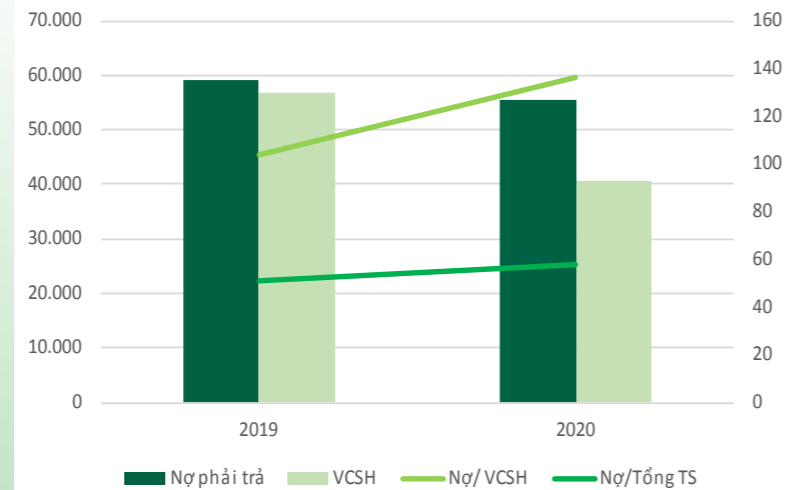


Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn của Công ty được cải thiện rõ rệt với hệ số nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/ VCSH lần lượt tăng từ 51,01% lên 57,66% và 104,12% lên 136,17. Đây là kết quả của việc sử dụng tốt các biện pháp tài chính của Công ty. Cụ thể tổng nợ ngắn hạn giảm từ 83.008 triệu đồng xuống 69.487 triệu đồng và giảm 16,29% so với năm 2019, nợ phải trả của doanh nghiệp giảm 6.09% so với năm 2019.

Đối với VCSH của Công ty giảm 7.234 tỷ đồng so với năm 2019 do hoạt động phân phối lợi nhuận năm 2019 cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 107/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 05 năm 2020 đồng thời hoạt động của doanh nghiệp gặp khó khăn. Như vậy, với tốc độ sụt giảm của tổng tài sản và vốn chủ sở hữu trong năm lớn hơn nhiều so với tốc độ sụt giảm khoản nợ phải trả giúp chỉ tiêu về cơ cấu vốn tăng trưởng vượt bậc như vậy.

Các nhân tố tạo nên sự thay đổi trong cơ cấu vốn



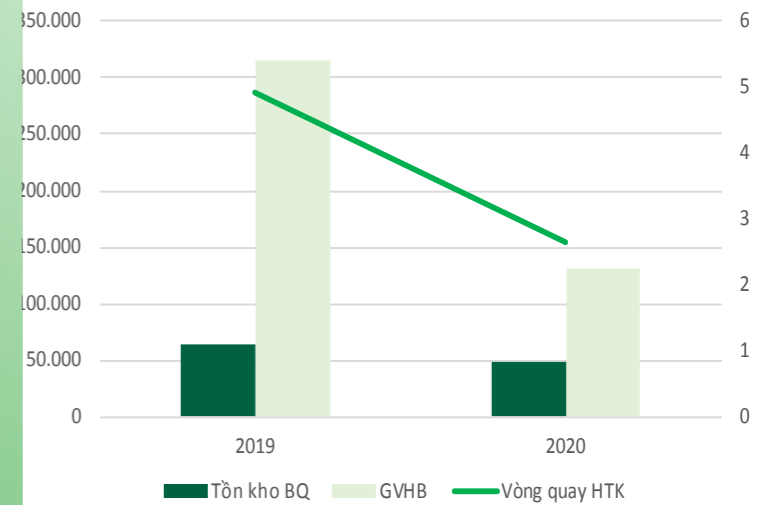
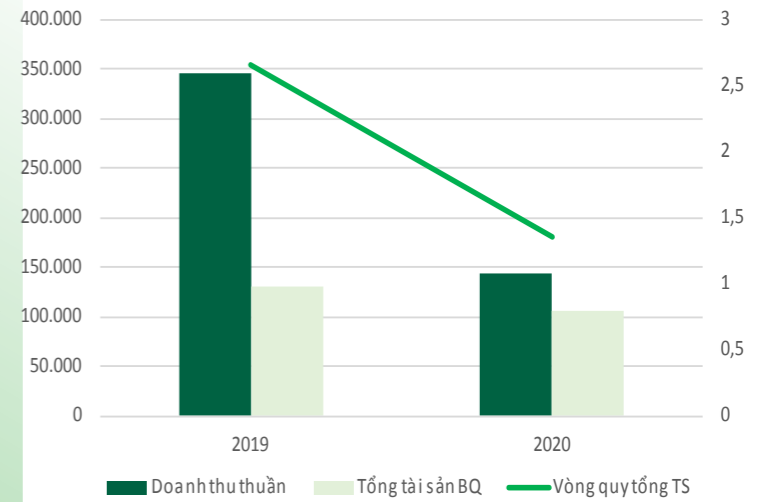
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho của Công ty giảm từ 4,92 vòng xuống 2,66 vòng do hoạt động giao thương giữ các quốc gia đình trệ, hàng hóa không xuất bán được nên Công ty không nhập thêm nguyên vật liệu, kéo theo giá vốn hàng bán giảm 58,60% so với năm 2019. Điều này làm cho tổng tài sản của Công ty giảm trong khi hệ số nợ giảm không tương ứng.

Hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn với độ sụt giảm doanh thu là 140,13% và tổng tài sản là 16,91% làm cho vòng quay Tổng tài sản của Công ty giảm từ 2,65 vòng xuống 1,36 vòng.

Đối mặt với tình hình kinh tế khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, đồng thời nhu cầu tiêu dùng của con người tập trung chủ yếu vào nhu yếu phẩm khiến cho hoạt động xuất khẩu của Công ty gặp nhiều khó khăn. Điều này làm cho lợi nhuận của Công ty giảm mạnh so với năm 2019.

Các nhân tố tạo nên sự thay đổi trong năng lực hoạt động



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Do tình hình sản xuất kinh doanh trong năm gặp khó khăn làm cho hoạt động đầu tư của Công ty bị gián đoạn, Công ty đã thực hiện đầu tư thêm phương tiện vận tải, truyền dẫn 180 triệu đồng đạt 12,85% so với kế hoạch mua phương tiện vận tải trong năm.

TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Danh sách HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1.	Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch	14/10/2020
2	Ông Nguyễn Quyết Thắng	Phó chủ tịch	14/10/2020
3	Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên	14/10/2020
4	Ông Huỳnh Thanh Điền	Thành viên	14/10/2020
5	Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên	30/05/2020

ÔNG NGUYỄN TRƯỜNG SƠN - CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh	24/11/1967
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư
Quá trình công tác	
10/1997 - 9/1998	Nhân viên kỹ thuật XN Dệt Quân Đội Công ty 28 - TCHC
10/1998 - 7/2001	Nhân viên P.Kế Hoạch Công ty 28 - TCHC
8/2001 - 6/2003	Phó GD xưởng Dệt Công ty 28 - TCHC
7/2003 - 12/2005	Phó phòng Kế hoạch Công ty 28 - TCHC
1/2006 - 9/2007	Phó phòng KHTH - Tổng Công ty 28 - TCHC
6/2011 - 8/2016	TP Kỹ Thuật – Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 – TCHC
9/2016 - 9/2018	Giám đốc XN nhuộm – Công ty TNHH MTV Tổng Công
10/2018 - 14/10/2020	Phó tổng Giám Đốc – Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 – TCHC
14/10/2020 - nay	Phó tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - TCHC kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP 28.1

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Chủ tịch HĐQT – CTCP 28.1.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám Đốc - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước của Công ty 28 với 1.264.480 cổ phần chiếm 26% vốn điều lệ.

ÔNG NGUYỄN QUYẾT THẮNG - PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh	14/04/1969
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
04/2007 - 03/2012	Trưởng Phòng KHTH – Công ty CP 28 Hưng Phú
04/2012 - 07/2016	Tổng Giám Đốc – Công ty Cp Bình Phú
08/2016 - 12/2016	Phó Phòng KHTH Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
01/2017 - 07/2017	Trưởng Phòng KHTH – Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
08/2017 - 12/2017	Trưởng Phòng KHKD – Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
01/2018 - 02/2018	Tổng Giám Đốc – Công ty CP 28 Đà Nẵng
03/2018 – nay	Phó Tổng giám Đốc - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 kiêm Tổng Giám Đốc - Công ty CP 28 Đà Nẵng
04/2018 – 14/10/2020	Chủ tịch HĐQT – CTCP 28.1
14/10/2020 - nay	Phó chủ tịch HĐQT – CTCP 28.1
Chức vụ hiện nay tại Công ty :	Phó Tổng giám Đốc - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP 28 - Quảng Ngãi và Chủ tịch HĐQT Công ty CP 28 - Đà Nẵng
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:	Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng Công ty 28 với 948.360 cổ phần chiếm 19,5% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:	Vợ sở hữu 7.300 CP cá nhân chiếm 0,15% vốn điều lệ.

ÔNG NGUYỄN VĨNH LONG - THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh	06/12/1976
Trình độ chuyên môn	Đại học
Quá trình công tác	
10/2000 - 10/2007	Công tác tại Công ty CP 32
11/2007 - 9/2010	Công tác tại Tổng Công ty vật tư NN chi nhánh phía Nam – Bộ Nông nghiệp
10/2010 - 8/2012	Phó phòng Kế hoạch Công ty TNHH MTV 28.1
9/2012 - 9/2014	Phó phòng Kinh doanh Tổng Công ty 28
1/2020 - 9/2020	Giám đốc XNMĐ – Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 TCHC
9/2020 - nay	Giám đốc Công ty CP 28.1
14/10/2020 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần 28.1

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Giám đốc CTCP 28.1 kiêm thành viên HĐQT.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng Công ty 28 với 790.300 cổ phần và 100.300 cổ phần cá nhân chiếm 18,31 % vốn điều lệ.

ÔNG HUỖNH THANH ĐIỀN - THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh 10/04/1982
Trình độ chuyên môn Tiến sỹ Kinh tế
Quá trình công tác
7/2005 - 7/2006 Nhân viên phòng Nghiên cứu phát triển Công ty 28 - TCHC
8/2006 - 2/2012 Nhân viên P.KDBĐS Tổng Công ty 28 - TCHC
3/2012 - 12/2019 Phó phòng KDBĐS Tổng Công ty 28 - TCHC
14/10/2020 - nay Phó phòng KHTH – Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - TCHC kiêm Thành viên HĐQT CTCP 28.1

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó phòng KHTH – Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 – TCHC

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước của Công ty 28 với 158.060 cổ phần chiếm 3,25% vốn điều lệ.

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Vĩnh Long	Giám Đốc
2	Ông Nguyễn Văn Tài	Phó Giám Đốc
3	Bà Lê Mai Dung	Kế toán trưởng

BÀ LÊ MAI DUNG - GIÁM ĐỐC

Năm sinh 01/5/1971
Trình độ chuyên môn Đại học
Quá trình công tác
11/1991 - 12/2016 Công tác tại phòng Tài chính kế toán - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 TCHC
1/2017 - 12/2019 Trưởng phòng kế toán – Công ty Xăng dầu - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 TCHC
1/2020 - nay Kế toán trưởng - Công ty CP 28.1

ÔNG NGUYỄN VĂN TÀI- THÀNH VIÊN HĐQT

Năm sinh 12/06/1966
Trình độ chuyên môn Đại học
Quá trình công tác
02/1984 - 06/1988 Bộ đội – Nhân viên bản đồ tại Sư đoàn mặt trận 479 Cắm phụ chia
07/1988 - 10/1989 Tổ trưởng tổ cắt Công ty cổ phần Bình phú – Tổng Công ty 28
11/1989 - 03/1991 Tổ trưởng tổ cắt Xưởng giày Tổng Công ty 28
04/1991 - 05/1992 thợ cắt – Xí nghiệp May đo Quân đội Tổng Công ty 28
06/1992 - 10/1995 Đi học tại trường ĐH SPKT Thủ Đức-TPHCM
11/1995 - 01/1997 Nhân viên Phòng kỹ thuật Công ty cổ phần 28 Hưng Phú – Tổng Công ty 28
05/1997 - 07/2003 Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty cổ phần 28 Hưng Phú – Tổng Công ty 28
08/2003 - 09/2005 Phó quản đốc Xưởng may 1 Công ty cổ phần 28 Hưng Phú – Tổng Công ty 28
10/2005 - 12/2005 Phó phòng Kế hoạch Công ty cổ phần 28 Hưng Phú – Tổng Công ty 28
01/2006 - 03/2007 Phó Quản đốc Xưởng may 1 Công ty cổ phần 28 Hưng Phú – Tổng Công ty 28
04/2007 - 01/2008 Phó Quản đốc xưởng veston nam Công ty cổ phần 28.1 – Tổng Công ty 28
02/2008 - 09/2008 Phó Quản đốc xưởng veston nam Công ty cổ phần 28.6 – Tổng Công ty 28
10/2008 - 02/2009 Phó Phòng nghiệp vụ Công ty cổ phần 28.6 – Tổng Công ty 28
03/2009 - 05/2010 Quản đốc xưởng veston nam Công ty cổ phần 28.6 – Tổng Công ty 28
06/2010 - 09/2010 Quản đốc xưởng veston nam Công ty cổ phần 28.1 – Tổng Công ty 28
10/2010 - 10/2011 Phó Phòng kế hoạch Công ty cổ phần 28.1 – Tổng Công ty 28
11/2011 - 04/2012 Quản đốc Xưởng may 2 Công ty cổ phần 28.1 – Tổng Công ty 28
05/2012 - 10/2017 Trưởng Phòng Kỹ Thuật Công ty cổ phần 28.1 – Tổng Công ty 28
11/2017 - 12/2019 Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bình Phú – Tổng Công ty 28
01/2020 - nay Phó Tổng Giám Đốc CTCP 28 Đà Nẵng – Tổng Công ty 28.
31/05/2020 - nay Phó Giám đốc Công ty cổ phần 28.1 - kiêm Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc Công ty cổ phần 28.1 kiêm Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 10.000 cổ phần chiếm 0,21% vốn điều lệ

Thông tin lý lịch Ông Nguyễn Vĩnh Long và Ông Nguyễn Văn Tài xem ở phần lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Hữu Phước	Trưởng ban	30/05/2020
2	Ông Nguyễn Thanh Định	Thành viên	27/04/2018
3	Bà Trần Thị Mỹ	Thành viên	30/05/2020

ÔNG NGUYỄN HỮU PHƯỚC - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh	09/12/1976
Trình độ chuyên môn	Đại học
Quá trình công tác	
09/1994 - 12/1998	Sinh viên Đại học
01/1999 - 05/2000	Nhân viên XNK Cty TNHH TMDV Sơn Hà
06/2000 - 02/2012	Nhân viên TCKT Xí nghiệp 2 và Phòng TCKT Tổng Công ty 28 – TCHC –BQP
03/2012 - 02/2013	Phó phòng Đầu tư phát triển và nghiệp vụ Công ty Xăng dầu – Tổng Công ty 28
03/2013 - 06/2014	Trưởng phòng Kế toán - Hậu cần Công ty Xăng dầu – Tổng Công ty 28
07/2014 - 12/2019	Trưởng phòng TCKT kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV 28.1 – Tổng Công ty 28
1/2020 - nay	Phó phòng TCKT Tổng Công ty 28
30/05/2019 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần 28.1

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần 28.1

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1,24% vốn điều lệ của Công ty cổ phần 28.1.

ÔNG NGUYỄN THANH ĐỊNH - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh	01/01/1978
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
05/1999 - 12/1999	Nhân viên Phòng TCKT – Xí nghiệp 2 – Tổng Công ty 28 TCHC – BQP
2000 - 2006	Nhân viên Phòng HCHC – Xí nghiệp 2 - Công ty 28 TCHC – BQP
2007 - 06/2009	Nhân viên Phòng KHTH – CTCP 28 Hưng Phú
07/2009 - nay	Nhân viên Phòng TCKT – CTCP 28 Hưng Phú
09/2016 - nay	Thành viên Ban kiểm soát – Công ty cổ phần 28.1
Chức vụ hiện nay tại Công ty :	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần 28.1

BÀ TRẦN THỊ MỸ - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh	17/12/1964
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
1987 - 1991	Làm kế toán tại XN Hòa Bình
1991 - 1995	Làm Phó phòng kế toán tại Công ty may Độc Lập
1995 - 1996	Làm Phó phòng kế toán tại Công ty may in Hữu Nghị
1997 - 6/1998	Làm trưởng kế toán tại Công ty xi măng Chinfon HP
7/1998 - 8/2001	Làm nhân viên kế toán tại Công ty may 28
9/2001 - 6/2014	Làm Phó phòng kế toán tại Tổng Công ty 28
7/2014 - 12/2019	Làm Kế toán trưởng Tổng Công ty 28
1/2020 - nay	Nghỉ chuẩn bị hưu
30/5/2020 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần 28.1
Chức vụ hiện nay tại Công ty :	Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần 28.1
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:	30000 CP – 0,62% vốn lưu động.

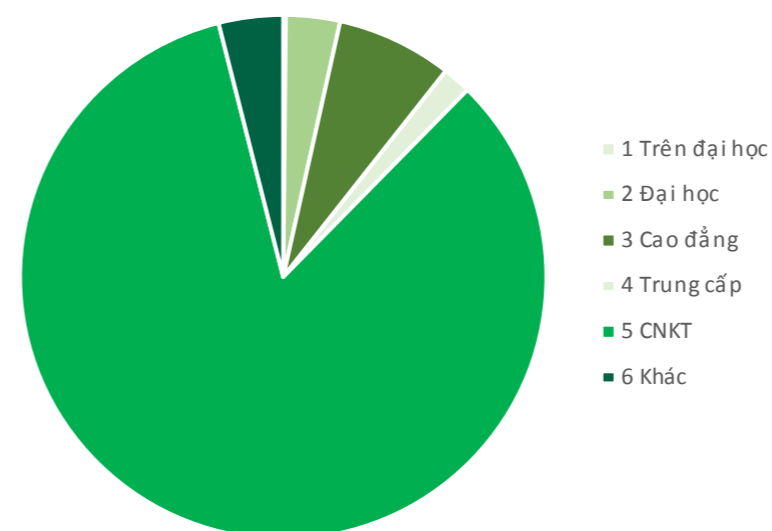
Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2020

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Hữu Phước	Trưởng ban KS	30/5/2020	
2	Ông Lữ Công Thịnh	Trưởng ban KS		30/5/2020
3	Bà Trần Thị Mỹ	Thành viên ban KS	30/5/2020	
4	Ông Lê Văn Thanh	Thành viên ban KS		30/5/2020
5	Ông Nguyễn Thanh Huyền	Phó Chủ tịch HĐQT		14/10/2020
6	Bà Nguyễn Thanh Thúy	Thành viên HĐQT		14/10/2020
7	Bà Nguyễn Hồng Trang	Thành viên HĐQT		14/10/2020
8	Ông Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch HĐQT		14/10/2020
9	Ông Nguyễn Quyết Thắng	Phó chủ tịch HĐQT	14/10/2020	
10	Ông Huỳnh Thanh Điền	Thành viên HĐQT	14/10/2020	
11	Bà Lê Mai Dung	Kế toán trưởng	1/1/2020	
12	Ông Nguyễn Hữu Phước	Kế toán trưởng		31/12/2019
13	Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT	14/10/2020	
14	Ông Huỳnh Thanh Điền	Thành viên HĐQT	14/10/2020	
15	Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên HĐQT	14/10/2020	

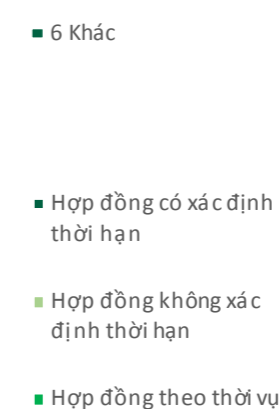
Số lượng cán bộ, công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	632	100%
1	Trên đại học	1	0,16%
2	Đại học	21	3,30%
3	Cao đẳng	45	7,10%
4	Trung cấp	11	1,70%
5	CNKT	529	83,74%
6	Khác	25	4%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	632	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	36	5,70%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	596	94,30%
3	Hợp đồng theo thời vụ	14	2,54%

Cơ cấu cán bộ theo trình độ



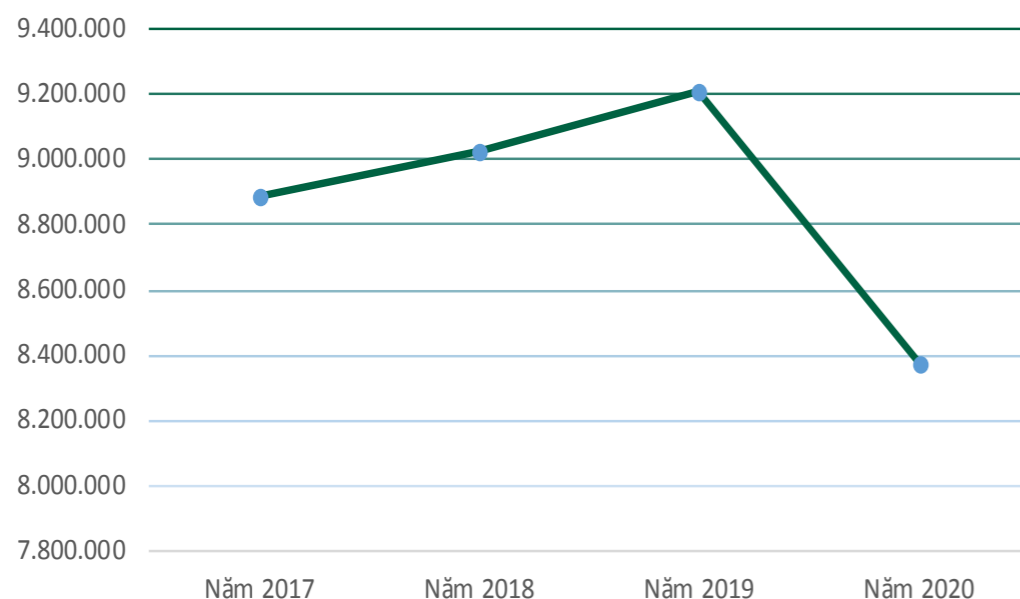
Cơ cấu cán bộ theo tính chất hợp đồng lao động



Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.891.770	9.023.181	9.212.357	8.371.089

Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về đào tạo

Công ty luôn thực hiện các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề cũng như kỹ năng mềm cho CBCNV trong tổ chức, nhằm trang bị kiến thức và khả năng giải quyết các vấn đề cấp thiết khi có sự cố xảy ra.

Môi trường công việc

- Đảm bảo môi trường làm việc chuyên nghiệp, đủ ánh sáng, không khí trong lành, điều kiện làm việc ổn định, thực hiện tốt chế độ an toàn, vệ sinh trong lao động và trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân làm việc trong môi trường nguy hiểm.
- Ngoài ra, Công ty luôn chú trọng thực hiện chăm sóc y tế định kỳ cho người lao động, tuân thủ và thực hiện chế độ thai sản đối với lao động nữ, luôn cải thiện, đổi mới trang thiết bị và cơ sở vật chất để cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.
- Người lao động được đảm bảo mọi quyền lợi theo quy định của Bộ luật Lao Động, Luật BHXH, Luật BHTN do nhà nước ban hành.

Về tuyển dụng

Công ty không sử dụng lao động dưới 18 tuổi, thực hiện sàng lọc tuyển dụng những lao động có trình độ phù hợp với công việc và đề ra các chính sách ưu đãi đối với những ứng cử viên tiềm năng để thu hút nguồn lao động tri thức cao vào hoạt động bộ máy tổ chức, tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển của doanh nghiệp.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Chính sách phúc lợi

Hàng năm Công ty triển khai khám sức khỏe định kì theo bảo hiểm cho CBCNV và tổ chức các hoạt động ngoại khóa định kỳ hàng năm như hoạt động tham quan du lịch trong nước và nước ngoài.

Tăng cường hoạt động Công Đoàn, Đoàn Thanh niên sôi nổi thông qua các hoạt động văn nghệ thường niên.

Chính sách lương, thưởng

Công ty thực hiện chính sách lương thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật. Ngoài ra Công ty còn có chính sách thưởng đối với các cá nhân hoàn thành đúng và vượt chỉ tiêu đặt ra, từ đó tạo động lực cho người lao động cải tiến và nâng cao năng suất làm việc.



Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

THÔNG TIN CỔ PHIẾU	
Tổng số cổ phiếu đã phát hành:	4.863.386 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	4.863.386 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu
Loại cổ phần:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng

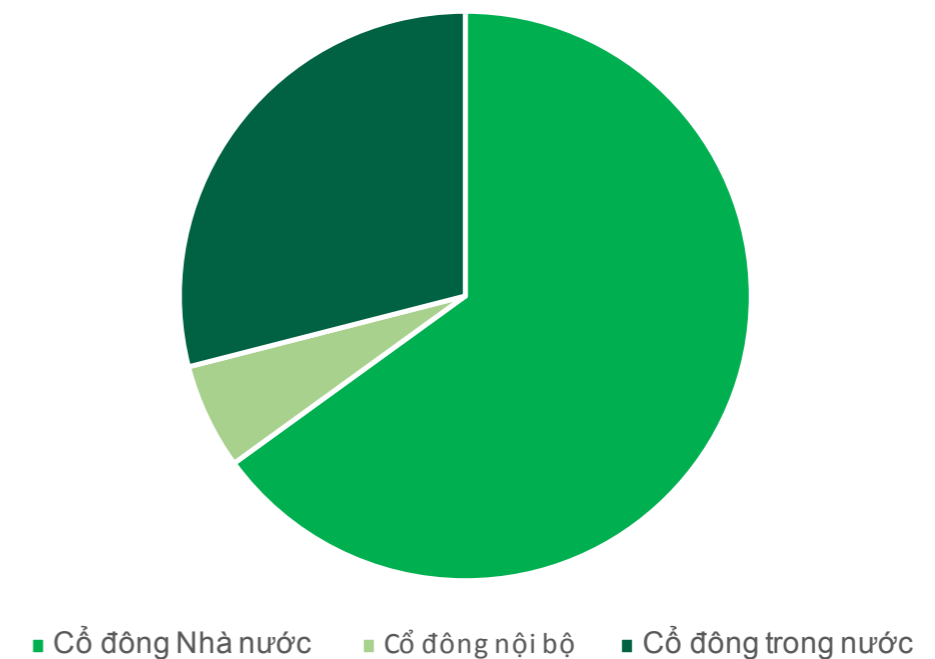


Danh sách cổ đông lớn

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.161.201	65%

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	3.161.201	31.612.010.000	65%
II	Cổ đông nội bộ	291.600	2.916.000.000	6%
II	Cổ đông trong nước	1.410.585	14.105.850.000	29%
1	Cá nhân	1.380.585	13.805.850.000	28,30%
2	Tổ chức	30.000	300.000.000	0,70%
Tổng cộng		4.863.386	48.633.860.000	100%

Cơ cấu cổ đông năm 2020



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Hỗ trợ cộng đồng

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, doanh nghiệp đã dần tạo được sự tin tưởng trong lòng khách hàng dựa trên nền tảng cộng đồng xã hội vững chắc. Nhờ vậy, Công ty luôn ý thức và chủ động chia sẻ, hỗ trợ tài chính trong khả năng có thể đối với những gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn. Trong năm, Công ty đã tổ chức quyên góp quỹ hỗ trợ người nghèo, quỹ khuyến học, ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt, xây nhà tình nghĩa,... tặng quà Tết gia đình CBCNV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt luật bảo vệ môi trường do Nhà nước ban hành, thực hiện chính sách nâng cao ý thức bảo vệ môi trường tại đơn vị cũng như môi trường chung của CBCNV và hoạt động tiết kiệm năng lượng. Đồng thời, quản lý tốt quá trình xử lý chất thải, đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường cũng như xây kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn nguyên phụ liệu tránh gây lãng phí..

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Là một Doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng may mặc thì việc quản lý nguyên vật liệu là công tác rất cần thiết đối với Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên theo dõi, rà soát tình hình thực hiện tiêu hao vật tư, nguyên phụ liệu, nhiên liệu động lực trong sản xuất cho từng loại sản phẩm, nghiên cứu điều chỉnh hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật để tiết giảm chi phí trong sản xuất và giúp chi phí nguyên vật liệu sản xuất theo đúng định mức.



Tiêu thụ nước:

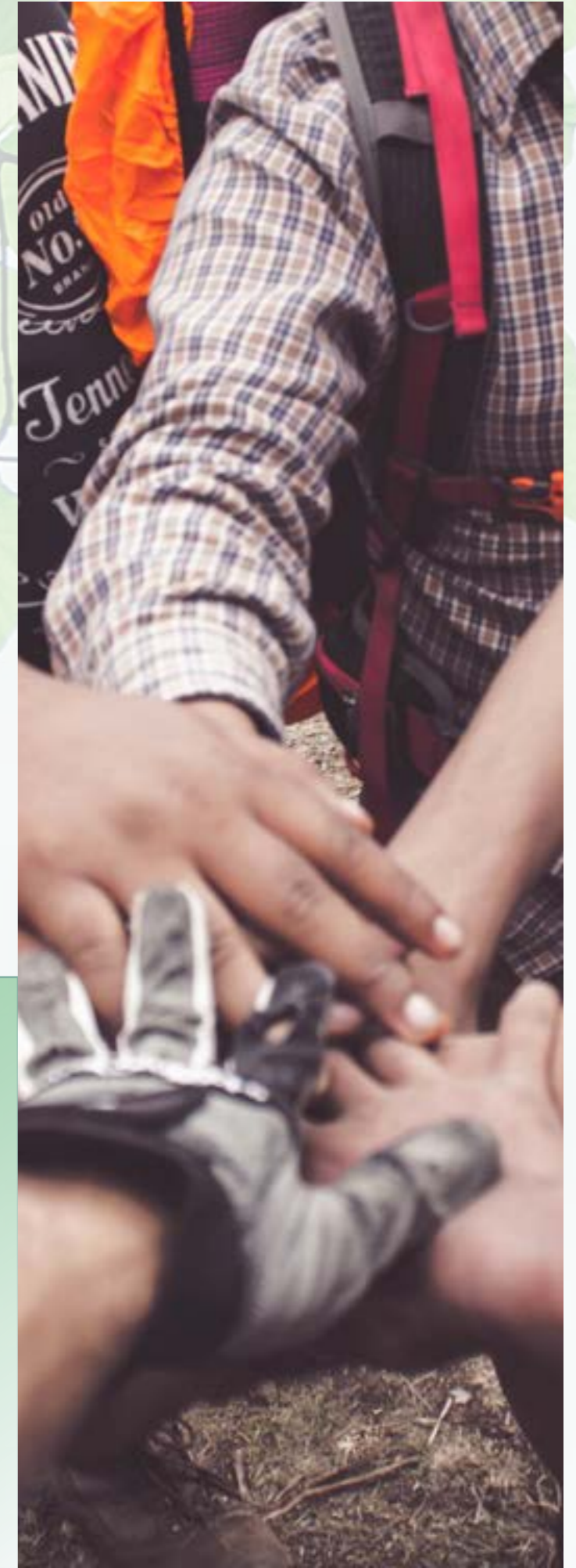
Hiểu rõ tầm quan trọng của nước, Công ty luôn tìm kiếm những giải pháp tiết kiệm nước và đưa ra sáng kiến sử dụng nước an toàn và hiệu quả.

Nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất đều được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải của Công ty trước khi thải ra môi trường.

Nước tái sử dụng là nước ngưng. Nước sau xử lý có thể sử dụng làm nước vệ sinh công nghiệp, chăm sóc cây trồng, cảnh quan môi trường,....

Chính sách liên quan đến người lao động

Duy trì tốt các công tác đào tạo, quản lý, tổ chức nhiều khóa học cho người lao động. Công ty luôn thể hiện sự quan tâm của doanh nghiệp đến đời sống vật chất, tinh thần nhân viên và tăng mức độ hài lòng của người lao động, thực hiện việc chi trả tiền lương hàng tháng cho người lao động đúng theo quy chế đã xây dựng, thời gian chi trả luôn đầy đủ, không có có xảy ra khiếu nại về tiền lương, chậm và nợ lương. Ngoài ra, người lao động cũng nhận được các khoản phụ cấp, thưởng vượt năng suất, chất lượng sản phẩm, thưởng hoàn thành nhiệm vụ tháng, thưởng lễ tết, thưởng phong trào thi đua quyết thắng.



PHẦN III: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất
kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

THUẬN LỢI

Năm 2020, FED đã hạ lãi suất đến mức tối đa nhờ đó NHNN đã dư thanh khoản, cũng giảm lãi suất cho vay khoảng 0,5%-0,25% nhằm tạo động lực cho các doanh nghiệp vay vốn duy trì hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Trong tình hình khó khăn chung của ngành dệt may, Công ty cổ phần 28.1 đã có các chính sách hạn chế tình trạng thiếu hụt nguồn nguyên phụ liệu, theo dõi giám sát quy trình chất lượng sản phẩm.

Công ty đã được sự hỗ trợ tích cực từ Tổng Công ty 28 trong quá trình đảm bảo nguồn nguyên phụ liệu cũng như phê duyệt các dự án hoạt động trong năm 2020 phù hợp với tình hình hoạt động cũng như tình hình chung của thị trường.

Việt Nam đã kiểm soát dịch bệnh khá thành công, tạo môi trường thuận lợi giúp doanh nghiệp đi vào hoạt động sớm hơn các quốc gia khác, tình trạng thất nghiệp cũng được hạn chế.

KHÓ KHĂN

Do ảnh hưởng từ dịch bệnh, 2020 là năm đầy khó khăn và thách thức đối với ngành dệt may nói chung và Công ty Cổ phần 28.1 nói riêng:

Đối với thị trường nội địa (chỉ chiếm 10% đối với năng lực ngành dệt may)

Do giãn cách xã hội và thất nghiệp, sức mua mặt hàng may mặc giảm mạnh, người dân ưu tiên việc mua nhu yếu phẩm, thực phẩm hơn là quần áo. Trong khoảng thời gian này, đơn hàng giảm mạnh so với cùng kì năm trước và gần như bão hòa. Hoạt động sản xuất chủ yếu chỉ dựa vào các đơn hàng trong nước hàng tháng.

Đối với thị trường xuất khẩu

Hàng loạt các quốc gia đóng cửa để ổn định trước tình hình dịch bệnh diễn ra khá phức tạp, khiến một số đơn hàng xuất khẩu bị hoãn không thời hạn nhưng không có bất cứ sự bù đắp nào với Giá trị xuất khẩu trong năm đạt 101.332 triệu đồng.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

Tổng doanh thu thuần đạt được : 144.297 triệu đồng
 Tổng lợi nhuận sau thuế : -9.278 triệu đồng

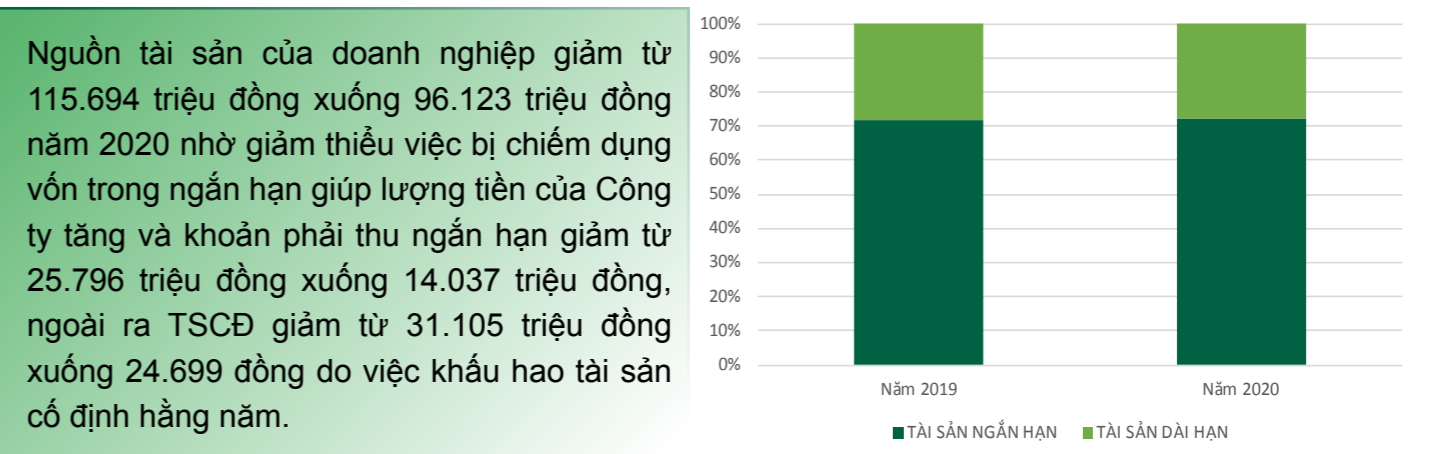
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	2020/ 2019 (%)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	83.008	69.487	83,71
Tiền và cá khoản tương đương tiền	2.666	6.224	233,46
Các khoản phải thu ngắn hạn	25.736	14.037	54,54
Hàng tồn kho	51.590	46.681	90,48
Tài sản ngắn hạn khác	3.107	2.544	81,88
TÀI SẢN DÀI HẠN	32.686	26.636	81,49
Các khoản phải thu dài hạn	40	40	100
Tài sản cố định	31.105	24.699	79,41
Tài sản dài hạn khác	1.541	1.897	123,1
TỔNG TÀI SẢN	115.694	96.123	83,08

Thay đổi trong cơ cấu tài sản



Nguồn tài sản của doanh nghiệp giảm từ 115.694 triệu đồng xuống 96.123 triệu đồng năm 2020 nhờ giảm thiểu việc bị chiếm dụng vốn trong ngắn hạn giúp lượng tiền của Công ty tăng và khoản phải thu ngắn hạn giảm từ 25.796 triệu đồng xuống 14.037 triệu đồng, ngoài ra TSCĐ giảm từ 31.105 triệu đồng xuống 24.699 đồng do việc khấu hao tài sản cố định hằng năm.



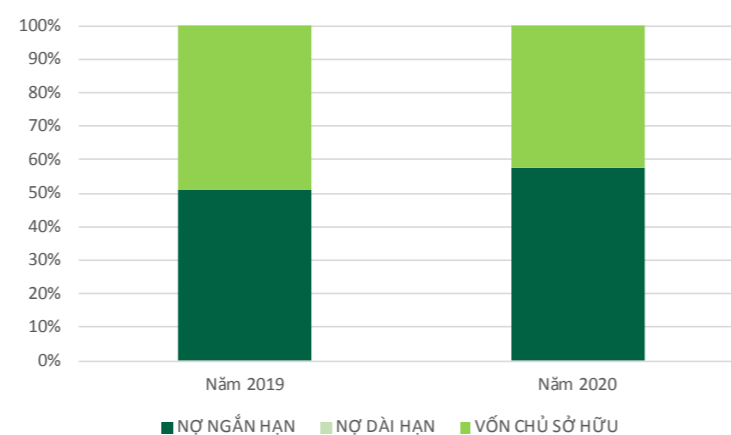
Tình hình nguồn vốn

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	2020/ 2019 (%)
NỢ NGẮN HẠN	58.916	55.422	94,07
Phải trả người bán ngắn hạn	21.943	16.763	76,39
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	159	13.356	8400
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	27	7	25,93
Phải trả người lao động	13.066	6.449	49,36
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	63	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.067	1.662	155,76
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21.257	15.383	72,37
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.395	1.640	117,56
NỢ DÀI HẠN	100	100	100
Phải trả dài hạn khác	100	100	100
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	59.016	55.422	93,91
VỐN CHỦ SỞ HỮU	56.679	40.700	71,81
Vốn góp của chủ sở hữu	48.634	48.634	100
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	48.634	48.634	100
Quỹ đầu tư và phát triển	1.135	1.135	100
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.909	-9.068	-
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	425	210	49,41
LNST chưa phân phối năm nay	6.484	-9.278	-
TỔNG NGUỒN VỐN	115.694	96.123	83,08

Tổng nguồn vốn của Công ty giảm từ 115.694 triệu đồng xuống 96.123 triệu đồng năm 2019, trong năm Công ty đã thanh toán các khoản nợ đối với người lao động và trả được nợ vay ngắn hạn đối với ngân hàng TMCP Quân đội 11.091 triệu đồng. Ngoài ra, tình hình SXKD gặp khó khăn khiến cho lợi nhuận sau thuế của Công ty âm 9.278 triệu đồng gây tổn thất cho vốn chủ sở hữu của Công ty.

Thay đổi trong cơ cấu nguồn vốn



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực hoạt động	Doanh thu
1	Hàng quốc phòng	6.730
2	Hàng xuất khẩu	168.630
3	Hàng nội địa	17.000
4	Hoạt động khác	2.640
Cộng		195.000

Dự kiến trong năm 2021, Công ty triển khai đầu tư máy móc thiết bị. Trong đó cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư
1	Hệ thống máy trải vải tự động	1.400

Biện pháp thực hiện

Đối mặt với tình hình kinh tế khó khăn, Ban Giám đốc đề xuất một số kế hoạch nhằm hoàn thành mục tiêu mà đại hội đã đề ra và cải thiện tình hình hoạt động của Công ty:

Tiếp tục duy trì, phát huy tốt các ưu điểm và khắc phục ngay các mặt còn hạn chế trong năm 2020, nâng cao năng lực quản trị để đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

Công ty tạo mối quan hệ tốt với khách hàng truyền thống, thực hiện tìm kiếm nguồn nguyên liệu trong nước nhằm thúc đẩy doanh thu hàng nội địa do tình hình xuất khẩu gặp khó khăn và hạn chế sự phụ thuộc nguyên liệu đầu vào từ các quốc gia khác.

Đưa ra các biện pháp giữ chân người lao động giúp Công ty có nguồn nhân lực ổn định phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Để đảm bảo làm tốt công tác chuẩn bị nguồn hàng, Công ty xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình biến động của thị trường và kiểm soát chất lượng đảm bảo giao hàng đúng cam kết với khách hàng,

Đào tạo Cán bộ, nhân viên kỹ thuật nhằm đáp ứng được yêu cầu về công tác kỹ thuật cho sản xuất, sử dụng ngoại ngữ thành thạo, làm việc trực tiếp với khách hàng.



PHẦN IV: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đối với hoạt động kinh doanh

Năm 2020 Công ty đang cố gắng duy trì hoạt động kinh doanh trước khó khăn của nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Tiếp tục chính sách tối thiểu hóa chi phí, tuy nhiên vẫn đảm bảo công việc làm cho người lao động trước tình hình khó khăn của toàn bộ nền kinh tế. Song, Công ty vẫn tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm Veston nam – sản phẩm chủ lực của Công ty nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Đối với tình hình nhân sự

Công ty thực hiện chính sách đãi ngộ tốt đối với nhân viên kỳ cựu tại tổ chức đồng thời tiếp tục tổ chức các khóa đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng cũng như kiến thức của CBCNV để họ theo kịp tiến độ phát triển của nền khoa học kỹ thuật tiên tiến, từ đó áp dụng vào hoạt động sản xuất của Công ty.

Đối với tình hình tài chính

Trước sự ảnh hưởng của đại dịch trong năm, nền kinh tế gần như tê liệt, đặc biệt trong ngành công nghiệp dệt may bị ảnh hưởng trầm trọng. Tuy nhiên Công ty đã có những biện pháp hạn chế những sự thay đổi quá lớn các chỉ số tài chính, giữ cho cơ cấu tài sản và nguồn vốn ở trạng thái cân bằng và tối thiểu hóa được chi phí.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Trong năm qua chịu sự tác động mạnh mẽ từ đại dịch Covid-19, Ban điều hành đã có những chính sách tối ưu giúp doanh nghiệp vượt qua những khó khăn trong khâu sản xuất, xuất khẩu khi tình trạng giao thương đóng cửa, các quốc gia nhập khẩu hoãn nhận hàng vô thời hạn. Việc giải quyết bài toán chi phí cho doanh nghiệp vô cùng khó khăn, tuy nhiên Ban điều hành đã thực hiện tốt chỉ tiêu này đưa doanh nghiệp vượt qua thời kỳ khó khăn trước thêm các doanh nghiệp trong nước đóng cửa hàng loạt. Ngoài ra Ban điều hành đã hiện đầy đủ những chỉ đạo và Nghị quyết mà HĐQT đề ra, đảm bảo thực hiện theo kế hoạch đã đề ra.



PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch	1.264.480 CP nhà nước	26%
2	Ông Nguyễn Quyết Thắng	Phó Chủ tịch	948.360 CP nhà nước	19,50%
3	Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên	100.300 CP cá nhân 790.300 CP nhà nước	18,31%
4	Ông Huỳnh Thanh Điền	Thành viên	158.060 CP nhà nước	3,25%
5	Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên	100.800 CP cá nhân	2,07%

Các cuộc họp

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	5	5	100%



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 208/NQ-HĐQT	3/9/2020	<p>Thông nhất chủ trương tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, giới thiệu ông Huỳnh Thanh Điền vào HĐQT</p> <p>Giao cho Phòng HCTC và TCKT phối hợp đăng ký tổ chức Đại hội với Sở giao dịch chứng khoán và chuẩn bị hồ sơ Đại hội</p> <p>Giao cho Ban giám đốc lên kế hoạch tham gia đào tạo cán bộ cấp cao, cán bộ cấp trung và các lớp đào tạo đấu thầu, đào tạo ngoại ngữ ngoài giờ làm việc cho nhân viên chủ chốt tại các phòng ban trong Công ty.</p> <p>Giao cho Ban giám đốc Công ty CP 28.1 quy hoạch lại mặt bằng kho, khai thác hiệu quả, giảm sức lao động.</p> <p>Giao cho Ban giám đốc Công ty CP 28.1 rà soát lại, sắp xếp nhân sự phù hợp và đảm bảo thông tin, hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn, xây dựng chiến lược tái cấu trúc Công ty.</p> <p>Tập trung vào các nguồn hàng, khách hàng, ổn định sản xuất, thu nhập và ổn định tư tưởng cán bộ - NLD trong toàn bộ Công ty, tăng cường tinh thần đoàn kết và kết nối các bộ phận trong Công ty đạt hiệu quả tốt nhất.</p>
2	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường.	14/10/2020	<p>Thông qua kết quả biểu quyết miễn nhiệm và kết quả bầu cử công bố đối với Ông Nguyễn Thanh Huyền, Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy, Bà Nguyễn Thị Hồng Trang.</p> <p>Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên HDDQT Công ty gồm các ông bà có tên như sau:</p> <p>Ông Nguyễn Trường Sơn Ông Nguyễn Vĩnh Long Ông Huỳnh Thanh Điền</p> <p>Thông qua kết quả bầu hội đồng quản trị:</p> <p>Ông Nguyễn Trường Sơn – Chủ tịch hội đồng quản trị Ông Nguyễn Quyết Thắng – Phó chủ tịch hội đồng quản trị Ông Nguyễn Vĩnh Long – Thành viên hội đồng quản trị Ông Nguyễn Văn Tài – Thành viên hội đồng quản trị Ông Huỳnh Thanh Điền – Thành viên hội đồng quản trị</p>

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Hữu Phước	Trưởng ban	60.400 CP cá nhân	1,24
2	Ông Nguyễn Thanh Định	Thành viên	0	0
3	Bà Trần Thị Mỹ	Thành viên	30.000 CP cá nhân	0,62%

Các cuộc họp

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	3	4	100%

BKS thường xuyên thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT; giám sát công tác điều hành SXKD cũng như thực hiện công tác tài chính của Ban điều hành thông qua việc tham gia các đoàn kiểm tra giám sát tài chính do Công ty mẹ thực hiện; kiểm tra các quyết định nội bộ đảm bảo đúng định hướng của ĐHCĐ và đúng pháp luật.

CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao	Thưởng
1	Hội đồng Quản trị		62.580.000	
	Nguyễn Quyết Thắng		13.935.000	
	Nguyễn Trường Sơn		3.645.000	
	Nguyễn Thanh Huyền		9.000.000	
	Nguyễn Vĩnh Long		8.000.000	
	Huỳnh Thanh Điền		3.000.000	
	Nguyễn Văn Tài		7.000.000	
	Nguyễn Hữu Phước		5.000.000	
	Nguyễn Thị Thanh Thúy	128.045.793	4.000.000	3.000.000
	Nguyễn Thị Hồng Trang		9.000.000	3.000.000
2	Ban Điều hành	1.506.600.000		
	Nguyễn Vĩnh Long	121.984.574		4.000.000
	Nguyễn Thanh Huyền	218.501.060		5.000.000
	Nguyễn Văn Tài	134.413.918		
	Lê Mai Dung	217.655.960		4.000.000
3	Ban Kiểm soát		12.000.000	
	Nguyễn Hữu Phước		3.500.000	
	Lữ Công Thịnh		2.500.000	
	Lê Văn Thanh		1.250.000	
	Trần Thị Mỹ		1.750.000	
	Nguyễn Thanh Định		3.000.000	



PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
đính kèm Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP 28.1 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14/10/2020)
Ông Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14/10/2020)
Ông Nguyễn Quyết Thắng	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14/10/2020)
Ông Nguyễn Thanh Huyền	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14/10/2020)
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/05/2020)
Ông Huỳnh Thanh Điền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14/10/2020)
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/05/2020, bổ nhiệm ngày 14/10/2020)
Bà Nguyễn Thị Hồng Trang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14/10/2020)
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14/10/2020, bổ nhiệm ngày 30/05/2020)
Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/05/2020)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Vĩnh Long	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18/08/2020)
Ông Nguyễn Thanh Huyền	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/08/2020)
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Phước	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 30/05/2020)
Ông Lê Công Thịnh	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 30/05/2020)
Ông Nguyễn Thanh Định	Thành viên
Bà Trần Thị Mỹ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/05/2020)
Ông Lê Văn Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/05/2020)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/09/2020 và cho đến thời điểm lập báo cáo là Ông Nguyễn Vĩnh Long – Giám đốc.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/08/2020 là Ông Nguyễn Thanh Huyền – Giám đốc.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

đính kèm Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)*

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho,

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1



Nguyễn Vĩnh Long

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
 THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
 Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: 21/2021/TC-VAE-HCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
 Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty CP 28.1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP 28.1 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi đã không thể thu thập được các thư xác nhận của các bên thứ ba liên quan đến số dư của khoản mục phải trả người bán ngắn hạn với giá trị 10.605.202.205 VND. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng các thủ tục này cũng không đem lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến tính đầy đủ, tính có thật và tính chính xác của các khoản mục này.

Như đã trình bày tại thuyết minh số V.4., thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tồn đọng lâu ngày với giá gốc là 1.026.341.274 VND để xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục dự phòng cho giá trị hàng tồn kho nếu trên hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP 28.1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty CP 28.1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 09 tháng 03 năm 2020.



Huỳnh Văn Dũng

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0047-2018-034-1

Âu Dương Uyên Phần

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1347-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho,

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		69.487.390.806	83.008.266.516
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	6.224.763.750	2.666.338.252
1. Tiền	111		6.224.763.750	2.666.338.252
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.037.655.327	25.735.536.014
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	13.388.899.275	24.712.452.311
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		233.095.436	677.221.186
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.3.a	415.660.616	345.862.517
IV. Hàng tồn kho	140	V.4.	46.681.400.889	51.589.607.754
1. Hàng tồn kho	141		46.681.400.889	51.589.607.754
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.543.570.840	3.016.784.496
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.a	112.696.505	189.603.567
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.430.874.335	2.827.180.929
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.635.960.184	32.685.832.316
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		40.000.000	40.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	V.3.b	40.000.000	40.000.000
II. Tài sản cố định	220		24.699.285.901	31.104.634.450
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	24.699.285.901	31.104.634.450
- Nguyên giá	222		90.525.788.605	90.345.124.605
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.826.502.704)	(59.240.490.155)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.896.674.283	1.541.197.866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.b	1.896.674.283	1.541.197.866
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		96.123.350.990	115.694.098.832

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		55.422.470.954	59.015.528.195
I. Nợ ngắn hạn	310		55.322.470.954	58.915.528.195
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7.	16.762.502.977	21.943.012.874
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8.	13.355.532.534	159.369.048
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9.	6.993.932	27.069.685
4. Phải trả người lao động	314		6.449.354.654	13.066.241.008
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10.	63.400.000	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11.a	1.661.694.911	1.067.171.890
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12.	15.382.945.936	21.257.342.519
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.640.046.010	1.395.321.171
II. Nợ dài hạn	330		100.000.000	100.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.11.b	100.000.000	100.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.700.880.036	56.678.570.637
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	40.700.880.036	56.678.570.637
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.633.860.000	48.633.860.000
- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.633.860.000	48.633.860.000
- Có phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.135.257.619	1.135.257.619
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.068.237.583)	6.909.453.018
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		209.684.979	425.025.603
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(9.277.922.562)	6.484.427.415
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		96.123.350.990	115.694.098.832

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Giám đốc

Kế toán trưởng



Lê Mai Dung



Nguyễn Vĩnh Long

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1.	144.558.355.868	346.501.606.711
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.2.	261.188.642	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 01 - 02)	10		144.297.167.226	346.501.606.711
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.3.	130.875.789.304	316.186.071.371
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		13.421.377.922	30.315.535.340
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.4.	768.525.707	2.025.188.054
7. Chi phí tài chính	22	VL.5.	883.394.623	1.937.302.932
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		690.799.343	1.037.274.292
8. Chi phí bán hàng	25	VL.8.	2.924.130.903	1.365.175.434
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.8.	19.643.773.170	22.294.084.881
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(9.261.395.067)	6.744.160.147
11. Thu nhập khác	31	VL.6.	2.006.333.492	2.273.328.038
12. Chi phí khác	32	VL.7.	2.022.860.987	11.338.998
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(16.527.495)	2.261.989.040
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(9.277.922.562)	9.006.149.187
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL.10.	-	1.801.229.837
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(9.277.922.562)	7.204.919.350
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.11.	-	1.156

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Kế toán trưởng



Lê Mai Dung

Giám đốc



Nguyễn Vinh Long

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(9.277.922.562)	9.006.149.187
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.5.	6.586.012.549	6.770.029.254
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái có đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4.	(8.935.417)	(86.520.043)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.260.304)	(109.537.933)
- Chi phí lãi vay	06		690.799.343	1.037.274.292
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.012.306.391)	16.617.394.757
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.082.205.089	3.828.357.504
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.908.206.865	25.306.778.238
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.069.545.098	(7.748.971.996)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(278.569.355)	(1.730.801.433)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(690.799.343)	(1.037.274.292)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.501.095)	(2.561.799.905)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(618.980.000)	(1.476.345.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.444.809.868	31.197.337.873
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(180.564.000)	(5.321.223.400)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	107.909.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.260.304	4.438.655
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(178.403.696)	(5.208.875.654)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		32.012.955.006	59.021.580.448
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(37.876.543.211)	(79.312.250.109)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.836.063.200)	(6.808.740.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.699.651.405)	(27.099.410.061)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		3.566.745.767	(1.110.947.842)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.666.338.252	3.765.424.144
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(8.320.269)	11.851.950
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1.	6.224.763.750	2.666.338.252

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Kế toán trưởng



Lê Mai Dung

Giám đốc



Nguyễn Vinh Long

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 28.1 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV 28.1 theo Quyết định số 2103/QĐ-BQP ngày 04 tháng 06 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0304484232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 08 năm 2020.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ năm, mã số doanh nghiệp 0304484232 ngày 26 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì vốn điều lệ của Công ty: 48.633.860.000 VND (Bốn mươi tám tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tương đương 4.863.386 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1056/QĐ-SGDHN ngày 28/12/2017, với mã chứng khoán là AG1 và ngày 10/01/2018 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty trên thị trường Upcom.

Trụ sở Công ty tại: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại sản phẩm may mặc.

3. Ngành nghề kinh doanh

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)
- Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc (trừ tây, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan)
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
- Chi tiết: Mua bán hàng may mặc
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
- Chi tiết: Mua bán nguyên phụ liệu ngành may
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Do ảnh hưởng toàn cầu về sự bùng phát và lây lan của đại dịch do virus corona ("Covid 19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và đặc biệt tại Việt Nam có quy định cách ly xã hội từ ngày 01/04/2020 đến ngày 22/04/2020 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ, giao thương quốc tế bị hạn chế, các khách hàng nước ngoài tạm dừng nhận hàng. Công ty chưa xác nhận cụ thể thời hạn giao hàng cho đối tác. Theo đó, doanh thu bán hàng năm 2020 bị sụt giảm mạnh, ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận trong kỳ và giá trị hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2020.

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 28.1 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV 28.1 theo Quyết định số 2103/QĐ-BQP ngày 04 tháng 06 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0304484232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 08 năm 2020.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ năm, mã số doanh nghiệp 0304484232 ngày 26 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì vốn điều lệ của Công ty: 48.633.860.000 VND (Bốn mươi tám tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tương đương 4.863.386 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1056/QĐ-SGDHN ngày 28/12/2017, với mã chứng khoán là AG1 và ngày 10/01/2018 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty trên thị trường Upcom.

Trụ sở Công ty tại: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại sản phẩm may mặc.

3. Ngành nghề kinh doanh

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)
- Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc (trừ tây, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan)
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
- Chi tiết: Mua bán hàng may mặc
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
- Chi tiết: Mua bán nguyên phụ liệu ngành may
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Do ảnh hưởng toàn cầu về sự bùng phát và lây lan của đại dịch do virus corona ("Covid 19") đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới và đặc biệt tại Việt Nam có quy định cách ly xã hội từ ngày 01/04/2020 đến ngày 22/04/2020 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ, giao thương quốc tế bị hạn chế, các khách hàng nước ngoài tạm dừng nhận hàng. Công ty chưa xác nhận cụ thể thời hạn giao hàng cho đối tác. Theo đó, doanh thu bán hàng năm 2020 bị sụt giảm mạnh, ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận trong kỳ và giá trị hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá cơ sở quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân đội tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho để xem xét trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Văn, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
- Nhà cửa vật kiến trúc	15 - 25
- Máy móc thiết bị	05 - 08
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08
- Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 03

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, và chi phí trả trước ngắn hạn khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Văn, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân Đội tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản vay có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân Đội tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí dịch vụ thuê ngoài, thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả có tác dụng như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng hàng khác và hoạt động dịch vụ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Đàng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền				
Tiền mặt	135.327	-	261.589.118	-
Tiền gửi ngân hàng	6.224.628.423	-	2.404.749.134	-
Tiền gửi VND	348.380.806	-	388.129.716	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn	348.380.806	-	388.129.716	-
Tiền gửi USD	5.876.247.617	-	2.016.619.418	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn	5.876.247.617	-	2.016.619.418	-
Cộng	6.224.763.750	-	2.666.338.252	-

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty CP Thời trang Kowil VN S	1.919.601.750	-	-	-
Công ty TNHH DV TM Travalì	1.839.300.500	-	-	-
APG & Co., Pty Ltd	1.553.455.049	-	33.236.543	-
Công ty TNHH TM và DV Ngân Hà	1.541.078.000	-	-	-
Công ty CP Thời trang Kowil Việt Nam	1.397.632.500	-	-	-
Itochu Prominent Usa Llc	-	-	12.803.762.596	-
Prominent (Europe) Ltd.	-	-	2.202.569.845	-
Itochu Corporation	-	-	6.308.151.591	-
Levertex Company Ltd.	3.371.608.302	-	1.249.907.719	-
Các đối tượng khác	1.766.223.174	-	2.114.824.017	-
Cộng	13.388.899.275	-	24.712.452.311	-

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	415.660.616	-	345.862.517	-
Phải thu Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	5.256.320	-	4.960.811	-
Phải thu khác	409.658.077	-	331.098.695	-
	746.219	-	9.803.011	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-	40.000.000	-
Cộng	455.660.616	-	385.862.517	-

c) Phải thu khác là các bên liên quan:
Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

4. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	597.335.139	-
Nguyên liệu, vật liệu	10.036.118.933	-	31.978.191.181	-
Công cụ, dụng cụ	9.830.144	-	97.508.838	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.446.831.770	-	2.726.023.735	-
Thành phẩm	33.949.015.042	-	16.190.548.861	-
Hàng hoá	239.605.000	-	-	-
Cộng	46.681.400.889	-	51.589.607.754	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, hàng tồn kho với giá trị là 46.431.965.745 VND đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 51.589.607.754 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị hàng tồn kho tồn đọng lâu ngày là 1.026.341.274 VND.

LẦN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Số dư ngày 01/01/2020	26.257.141.171	59.190.591.165 (425.000.000)	1.578.583.890 425.000.000	340.536.200	2.978.272.179	90.345.124.605
Phân loại lại khoản mục Mua trong năm	26.257.141.171	58.765.591.165	180.664.000	-	-	180.664.000
Số dư ngày 31/12/2020			2.184.247.890	340.536.200	2.978.272.179	90.525.788.605
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2020	17.497.635.313	37.548.538.101	1.280.965.503	340.536.200	2.572.815.038	59.240.490.155
Khấu hao trong năm	672.603.516	5.607.864.868	141.198.116	-	164.346.049	6.586.012.549
Số dư ngày 31/12/2020	18.170.238.829	43.156.402.969	1.422.163.619	340.536.200	2.737.161.087	65.826.502.704
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020	8.759.505.858	21.642.053.064	297.618.387	-	405.457.141	31.104.634.450
Tại ngày 31/12/2020	8.086.902.342	15.609.188.196	762.084.271	-	241.111.092	24.699.285.901

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 16.445.339.443 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 10.494.313.611 VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	112.696.505	189.603.567
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	139.977.203
Chi phí sửa chữa tài sản cố định chờ phân bổ	75.104.500	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	37.592.005	49.626.364
b) Dài hạn	1.896.674.283	1.541.197.866
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	614.020.920	846.676.003
Chi phí sửa chữa tài sản cố định chờ phân bổ	1.282.653.363	694.521.863
Cộng	2.009.370.788	1.730.801.433

7. Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Prominent (Europe) Ltd.	3.292.309.434	3.292.309.434	7.223.564.467	7.223.564.467
Lever Apparel Limited	2.987.395.154	2.987.395.154	-	-
Levertex Co Limited	2.936.011.039	2.936.011.039	3.742.338.305	3.742.338.305
Công ty CP Kết Nối Thời Trang	2.551.672.200	2.551.672.200	12.382.920	12.382.920
Công ty TNHH TM SX XNK Thiên Hải	871.708.200	871.708.200	-	-
Các đối tượng khác	4.123.406.950	4.123.406.950	10.964.727.182	10.964.727.182
Cộng	16.762.502.977	16.762.502.977	21.943.012.874	21.943.012.874

b) Phải trả người bán là các bên liên quan:

Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

3. Người mua trả tiền trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Prominent (Europe) Ltd.	4.107.153.735	-
Itochu Prominent Usa Llc	8.382.656.799	-
Công ty TNHH Ô Tô Ngôi Sao Việt Nam	370.299.600	-
Công ty CP Bạch Dương	495.422.400	-
Oktava Limited	-	159.369.048
Cộng	13.355.532.534	159.369.048

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đơn vị tính: VND		
	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm
Phải nộp			
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	81.697.183	81.697.183
Thuế xuất nhập khẩu	-	88.937.066	88.937.066
Thuế TNDN	2.706.024	11.795.071	14.501.095
Thuế TNCN	24.363.661	201.824.460	219.194.189
Các loại thuế khác (thuế môn bài)	-	3.000.000	3.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.393.184	5.393.184
Cộng	27.069.685	392.646.964	412.722.717

Các khoản thuế phải thu/phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải thu/phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

10. Chi phí phải trả

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
Ngắn hạn				
Trích trước chi phí thuê quản Owen		3.400.000		-
Trích trước thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2020		60.000.000		-
Cộng		63.400.000		-

11. Phải trả khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
a) Ngắn hạn				
Kinh phí công đoàn		977.988.764		287.893.791
Phải trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28		-		400.003.144
Các khoản phải trả, phải nộp khác		683.706.147		379.274.955
Cộng		1.661.694.911		1.067.171.890
b) Dài hạn				
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		100.000.000		100.000.000
Cộng		100.000.000		100.000.000

c) Phải trả khác là các bên liên quan:

Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2020		31/12/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Ngắn hạn			
Vay ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	21.257.342.519	21.257.342.519	32.348.294.229	15.382.945.936
Tổng cộng	21.257.342.519	21.257.342.519	32.348.294.229	15.382.945.936

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn căn cứ theo Hợp đồng cấp tín dụng số 38461.20.201.150496TD ngày 07/08/2020 với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất dệt may của khách hàng giai đoạn 2020-2021;

- Thời hạn của mỗi khoản tín dụng trong hạn mức: không vượt quá 5 tháng kể từ tiếp theo của ngày giải ngân đến hết ngày đáo hạn quy định tại kế ước nhận nợ, được quy định cụ thể trong kế ước nhận nợ;

- Lãi suất cho vay: theo từng kế ước nhận nợ;

- Tài sản dùng để đảm bảo bao gồm:

+ Toàn bộ nguyên vật liệu, bán thành phẩm và thành phẩm thuộc sở hữu của Công ty tại địa chỉ kho số: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh do Công ty tự quản lý;

+ Toàn bộ quyền đòi nợ hình thành từ hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2020: 15.382.945.936 VND (trong đó số dư nợ gốc ngoại tệ là: 249.186,17 USD, tương đương 3.571.118,213 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13. Vốn chủ sở hữu**13.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
				Cộng	
Số dư ngày 01/01/2019	48.633.860.000	1.135.257.619	7.233.766.003	57.002.883.622	
Lãi (lỗ) trong năm trước	-	-	7.204.919.350	7.204.919.350	
Chia cổ tức	-	-	(6.808.740.400)	(6.808.740.400)	
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(720.491.935)	(720.491.935)	
Số dư ngày 31/12/2019	48.633.860.000	1.135.257.619	6.909.453.018	56.678.570.637	
Lãi (lỗ) trong năm nay	-	-	(9.277.922.562)	(9.277.922.562)	
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 (*)	-	-	(5.836.063.200)	(5.836.063.200)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019 (*)	-	-	(863.704.839)	(863.704.839)	
Số dư ngày 31/12/2020	48.633.860.000	1.135.257.619	(9.068.237.583)	40.700.880.036	

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 107/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 05 năm 2020.

13.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Khoản mục	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	31.612.010.000	31.612.010.000
Các cổ đông khác	17.021.850.000	17.021.850.000
Cộng	48.633.860.000	48.633.860.000

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Khoản mục	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	48.633.860.000	48.633.860.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	48.633.860.000	48.633.860.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.836.063.200	6.808.740.400

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

13.4 Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	4.863.386	4.863.386
Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.863.386	4.863.386
Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

13.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2020
Quỹ đầu tư phát triển	1.135.257.619	-	-	1.135.257.619
Cộng	1.135.257.619	-	-	1.135.257.619

14. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a) Tài sản nhận giữ hộ:**

Chủ yếu gồm các loại sau:

Khoản mục	Đơn vị tính	31/12/2020	01/01/2020
Vải lót	mét	35.931,29	62.886,00
Nguyên liệu khác	mét	27.428,31	42.057,95

b) Ngoại tệ các loại:

Khoản mục	31/12/2020	01/01/2020
USD (tiền gửi ngân hàng)	255.544,58	87.280,65

c) Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản mục	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH May mặc S.M	6.308.051.602	6.308.051.602

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu hàng xuất khẩu	101.332.428.980	320.845.779.065
Doanh thu hàng kinh tế	40.979.134.698	23.350.579.960
Doanh thu dịch vụ khác	2.246.792.190	2.305.247.686
Cộng	144.558.355.868	346.501.606.711

b) Doanh thu đối với các bên liên quan:
Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.3**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	261.188.642	-
Cộng	261.188.642	-

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn hàng xuất khẩu	91.343.884.668	298.719.015.756
Giá vốn hàng kinh tế	38.843.856.247	17.293.232.879
Giá vốn dịch vụ khác	688.048.389	173.822.736
Cộng	130.875.789.304	316.186.071.371

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.260.304	4.438.655
Chết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	6.770.425
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	757.329.986	1.927.458.931
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	8.935.417	86.520.043
Cộng	768.525.707	2.025.188.054

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	690.799.343	1.037.274.292
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	192.595.280	900.028.640
Cộng	883.394.623	1.937.302.932

6. Thu nhập khác

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	105.099.278
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	10.000.000
Thu nhập từ công nợ lâu năm không phải trả	-	1.900.124.941
Tiền hỗ trợ nhận được từ Tổng Công ty 28	2.000.000.000	-
Thu nhập khác	6.333.492	258.103.819
Cộng	2.006.333.492	2.273.328.038

7. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản tiền phạt, chậm nộp	11.065.916	11.338.998
Chi phí đào tạo từ nguồn hỗ trợ của Tổng Công ty 28	2.000.000.000	-
Thuế TNDN bị truy thu theo QĐ số 5352/QĐ-CT ngày 21/12/2020	11.795.071	-
Cộng	2.022.860.987	11.338.998

8. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	2.924.130.903	1.365.175.434
Chi phí vật liệu, bao bì	42.676.600	7.259.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.211.638.249	707.347.970
Chi phí bằng tiền khác	669.816.054	650.567.785
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	19.643.773.170	22.294.084.881
Chi phí nhân viên quản lý	13.092.532.661	16.621.180.561
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.907.411.030	1.727.508.178
Chi phí khấu hao TSCĐ	151.620.528	174.051.777
Thuế, phí và lệ phí	221.140.351	490.020.840
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.194.820.181	776.168.767
Chi phí bằng tiền khác	3.076.248.419	2.505.154.758
Cộng	22.567.904.073	23.659.260.315

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	78.383.733.203	193.708.171.336
Chi phí nhân công	61.442.872.317	82.106.483.586
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.586.012.549	5.770.029.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.629.828.405	10.942.753.991
Chi phí bằng tiền khác	6.381.900.978	13.748.470.720
Cộng	171.424.347.452	307.275.908.887

10. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.277.922.562)	9.006.149.187
Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	22.860.987	-
- Các khoản tiền phạt chậm nộp thuế	11.065.916	-
- Thuế TNDN bị truy thu theo QĐ số 3352/QĐ-CT ngày 21/12/2020	11.795.071	-
Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.255.061.575)	9.006.149.187
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(9.255.061.575)	9.006.149.187
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	1.801.229.837
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.801.229.837

11. Lãi (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:

	Năm 2019		
	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.204.919.350	-	7.204.919.350
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	720.491.935	863.704.839	1.584.196.774
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.863.386	-	4.863.386
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.333	-	1.156

(*) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 107/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 05 năm 2020 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

	Năm 2020
	VND
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền gửi ngân hàng	(3.320.269)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản phải thu khách hàng	(11.982.192)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản phải trả người bán	18.429.500
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay	10.808.378

2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	32.012.955.006	59.021.580.448
Cộng	32.012.955.006	59.021.580.448

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	37.876.543.211	79.312.250.109
Cộng	37.876.543.211	79.312.250.109

VIII. Những thông tin khác

I. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký thỏa thuận thuê số 01 về việc thanh toán tiền sử dụng đất tại số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp với Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 để sử dụng với mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2017. Diện tích khu đất thuê là 16.169,3 m². Theo thỏa thuận này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

I. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

I. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

a) Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Công ty mẹ
Công ty CP Bình Phú	Thành viên liên kết với Công ty mẹ
Công ty CP 28 Đà Nẵng	Cùng Công ty mẹ
Trung tâm Kinh doanh Thời trang - Công ty TNHH MTV TCT 28	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Xí nghiệp May đo	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	7.696.957.791	281.805.000
Công ty CP Bình Phú	575.704.135	1.699.733.942
Xí nghiệp May đo	3.080.000	93.794.029
Trung tâm Kinh doanh Thời trang - Công ty TNHH MTV TCT 28	12.607.140.000	3.055.300.000
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	4.523.623.029	22.024.364.657
Xí nghiệp May đo	606.735.742	281.856.671
Trung tâm Kinh doanh Thời trang - Công ty TNHH MTV TCT 28	46.365.908	1.279.345.282
Công ty CP 28 Đà Nẵng	3.902.400	-
Công ty CP Bình Phú	-	217.111.398
Tiền thuê đất		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	823.314.889	968.605.747
Chi cổ tức		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	3.793.441.200	4.109.561.300
c) Số dư với các bên liên quan	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu khác		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	409.658.077	331.098.695
- Phải thu Tổng Công ty 28	409.658.077	-
- Phải thu tiền chi hộ Tổng Cục Hận cứu	-	331.098.695
Phải trả người bán		
Công ty CP Bình Phú	136.611.781	-
Phải trả khác		
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	400.003.144

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập của Giám đốc	388.534.629	421.200.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	363.165.019	1.085.400.000
Cộng	751.699.648	1.506.600.000

4. Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Do hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất, mua bán sản phẩm may mặc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

	Xuất khẩu VND	Trong nước VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	101.332.428.980	43.225.926.888	144.558.355.868

5. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2020 VND
Các khoản vay	15.382.945.936
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.224.763.750
Nợ thuần	9.158.182.186
Vốn chủ sở hữu	40.700.880.036
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	22,50%

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.224.763.750	2.666.338.252
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.844.559.891	25.098.314.828
Các khoản đầu tư tài chính	-	-
Cộng	20.069.323.641	27.764.653.080
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	15.382.945.936	21.257.342.519
Phải trả người bán và phải trả khác	18.524.197.888	23.110.184.764
Chi phí phải trả	63.400.000	-
Cộng	33.970.543.824	44.367.527.283

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công cụ nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mẫu số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Đô la Mỹ (USD)	16.148.511.392	40.435.490.608	23.324.904.507	25.189.759.883

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
	Phải trả người bán và phải trả khác	18.424.197.888	100.000.000	-
Chi phí phải trả	63.400.000	-	-	63.400.000
Các khoản vay	15.382.945.936	-	-	15.382.945.936
		Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	23.010.184.764	100.000.000	-	23.110.184.764
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản vay	21.257.342.519	-	-	21.257.342.519

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Cảnh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Mã số B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 203/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đảo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đảo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.224.763.750	-	6.224.763.750
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.804.559.891	40.000.000	13.844.559.891
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-
01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.666.338.252	-	2.666.338.252
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.058.314.828	40.000.000	25.098.314.828
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-

6. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Kế toán trưởng



Lê Mai Dung

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Giám đốc



Nguyễn Vĩnh Long

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2021
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Vĩnh Long